

BỘ ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG MỞ TÀI KHOẢN CHỨNG KHOÁN
TERMS AND CONDITIONS
OF THE SECURITIES ACCOUNT OPENING AGREEMENT

BỘ ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN này (sau đây gọi là “**Bộ T&C**”) là một phần không tách rời của Hợp đồng mở tài khoản chứng khoán mà Bộ T&C này đính kèm (sau đây gọi là “**Hợp đồng mở TKCK**”).

This TERMS AND CONDITIONS (hereinafter as the “T&C”) is an integral part of the Security account agreement which this T&C is attached with (hereinafter as the “SA agreement”).

Bộ T&C bao gồm: (Phần A) Các Quy Định Chung; (Phần B) Quy Định Về Ứng Trước Tiền Bán Chứng Khoán; (Phần C) Thỏa Thuận Giao Dịch Điện Tử; (Phần D) Quy Định Về Tài Khoản Giao Dịch Chứng Khoán Phái Sinh.

This T&C includes: (Part A) General Terms; (Part B) Advance Payment of Securities Sale Regulations; (Part C) Electronic Transaction Agreement; (Part D) Derivatives Securities Trading Regulations.

PHẦN A: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG
PART A: GENERAL TERMS

ĐIỀU A1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

ARTICLE A1. INTERPRETATION

Trong Bộ T&C này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

Within this T&C, the below terms shall mean as follows:

- 1.1 **Khách hàng:** Là chủ tài khoản giao dịch chứng khoán có thông tin đặc định ghi trong phần thông tin khách hàng trên Hợp đồng mở TKCK.

Customer: means the securities trading account owner whose identified information is recorded in the Customer information part in the SA agreement.

- 1.2 **VPS:** Là Công ty cổ phần Chứng khoán VPS (gồm cả sau khi được đổi tên hoặc doanh nghiệp tiếp tục tồn tại sau khi tổ chức lại và kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty cổ phần Chứng khoán VPS theo Hợp đồng mở TKCK).

VPS: means VPS Securities Joint Stock Company (including after any change of name or its descendant company after reorganization and inheriting VPS Securities Joint Stock Company’s rights and obligations under the SA agreement).

- 1.3 **TKCK:** Là tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng với số ghi tại trang đầu của Hợp đồng mở TKCK và các tài khoản, tiểu khoản khác được VPS mở dưới tên Khách hàng gắn với tài khoản đó nhằm cung cấp dịch vụ chứng khoán được phép cho Khách hàng (trong đó có cả tài khoản lưu ký, tài khoản giao dịch phái sinh (nếu Khách hàng đề nghị mở), tài khoản giao dịch ký quỹ (nếu Khách hàng đề nghị mở và được phép mở theo quy định pháp luật), tài khoản/tiểu khoản trong tài khoản chuyên dụng của VPS mở để quản lý tài sản của Khách hàng).

Securities account (or “SA”): means the securities trading account of the Customer with the reference number being recorded at the first page of SA agreement and other accounts, sub-accounts attached to such account which was opened by VPS under the Customer’s name for the purpose of providing licensed securities service to the Customer (including deposit account, derivatives securities account (opened upon the Customer’s request), margin account (opened upon the

Customer's request, given that it is permitted by the regulations of laws), account/sub-accounts in the specialized account opened by VPS for the purpose of managing the Customer's assets).

- 1.4 **Lệnh:** Là lệnh (gồm cả lệnh mua, lệnh bán, lệnh chuyển tiền, lệnh thanh toán và lệnh giao dịch thuộc loại khác), chỉ thị, chỉ dẫn, chỉ định, hoặc tương đương do Khách hàng lập/gửi/xác nhận liên quan đến TKCK theo quy định của Hợp đồng mở TKCK.

Order: means the order (including purchase order, Sale order, payment order and trading orders of other kind), direction, instruction, assignment, or equivalent which was established/delivered/confirmed by the Customer relating to the Securities account in accordance with the provisions of SA agreement.

- 1.5 **Ngày giao dịch:** Là ngày theo lịch (không bao gồm thứ Bảy, Chủ Nhật và các ngày nghỉ lễ khác theo luật, kể cả nghỉ bù) mà vào ngày đó VSD, SGDCK và ngân hàng thương mại tại Việt Nam mở cửa để hoạt động bình thường.

Trading day: means the calendar day (excluding Saturday, Sunday and other regulated holidays, including compensatory holiday) of which on this day VSD, the Stock Exchange and commercial banks in Vietnam open for normal operation.

- 1.6 **Số điện thoại:** Là số điện thoại cố định, di động hoặc cả hai được ghi tại phần thông tin về Khách hàng trên Hợp đồng mở TKCK hoặc số khác được Khách hàng đăng ký thay đổi và lưu trong hệ thống của VPS.

Phone number: means the number of landline, cellphone or both which was recorded at the Customer's information part in the SA agreement or other number of which VPS registered the change and recorded on VPS's system.

- 1.7 **Thư điện tử (email):** Là thư điện tử (email) được ghi tại phần thông tin về Khách hàng trên Hợp đồng mở TKCK hoặc thư điện tử khác được Khách hàng đăng ký thay đổi và lưu trong hệ thống của VPS.

Email: means electronic mail (email) being recorded at the Customer's information part in the SA agreement or other email of which VPS registered the change and recorded on VPS's system.

- 1.8 **VSD:** Là Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam (hoặc tổ chức kế thừa).

VSD: means the Vietnam Securities Depository (or its descendant organization).

- 1.9 **SGDCK:** Là Sở giao dịch chứng khoán tại Việt Nam.

Stock Exchange: means the Securities Stock Exchange in Vietnam.

- 1.10 **Tài khoản vốn đầu tư gián tiếp:** Là tài khoản duy nhất mà mỗi nhà đầu tư nước ngoài được mở tại một (01) ngân hàng lưu ký được phép kinh doanh ngoại hối để thực hiện hoạt động đầu tư gián tiếp tại Việt Nam theo quy định pháp luật.

Indirect investment capital account: means the sole account of which each foreign investor is allowed to open at one (01) depository bank which was licensed to conduct foreign exchange trading business to conduct indirect investment activities in Vietnam in accordance with the regulations of laws.

- 1.11 **Mã số giao dịch chứng khoán (Trading code):** Là mã số mà nhà đầu tư nước ngoài phải đăng ký với Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam thông qua thành viên lưu ký trước khi thực hiện các hoạt động đầu tư theo quy định pháp luật.

Trading code: means the code which the foreign investor must register with the Vietnam Securities Depository through the depository member before conducting the investment activities in accordance with the regulations of laws.

Các từ ngữ được sử dụng riêng cho một Phần của Bộ T&C sẽ được giải thích tại phần đó.

The definitions which are used specifically to a Part of this T&C shall be interpreted in such respective part.

ĐIỀU A2. MỞ TÀI KHOẢN

ARTICLE A2. ACCOUNT OPENNING

- 2.1 Theo đề nghị của Khách hàng, VPS sẽ mở tài khoản giao dịch chứng khoán đứng tên Khách hàng. Đồng thời, VPS cũng sẽ mở tài khoản lưu ký chứng khoán cho Khách hàng.

When being requested by the Customer, VPS shall open the securities transaction account under the Customer's name. VPS shall simultaneously open the securities depositon account for the Customer.

- 2.2 Bằng Hợp đồng mở TKCK, Khách hàng chọn phương thức quản lý tiền trong tài khoản chuyên dụng của VPS. Nhằm quản lý tiền của Khách hàng, VPS sẽ mở tiểu khoản dưới tên Khách hàng trong tài khoản chuyên dụng. Việc thay đổi phương thức quản lý tiền sẽ theo thỏa thuận của các bên hoặc theo quy định được VPS ban hành/áp dụng trong từng thời kỳ.

By entering into the SA agreement, the Customer chose the monetary management mechanism under the specialized account of VPS. For the purpose of managing the Customer's money, VPS shall open the sub-account under the Customer's name within the specialized account. The change of monetary management mechanism shall be in accordance with the agreement of the parties or in accordance with the regulations issued/applied by VPS from time to time.

- 2.3 Nếu Khách hàng có đề nghị và đã đăng ký, VPS sẽ mở tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh cho Khách hàng. VPS cũng sẽ mở các tài khoản/tiểu khoản hỗ trợ giao dịch chứng khoán trên tài khoản đó phù hợp với nghiệp vụ/chính sách của VPS và quy định của pháp luật có liên quan.

Upon the request and registration of the Customer, VPS shall open the deriviative securities transaction account for the Customer. VPS shall simultaneously open the securities transaction supporting accounts/sub-accounts on such account in accordance with VPS's professional/policy and relevant regulations of law.

- 2.4 Tại từng thời điểm trong thời hạn Hợp đồng mở TKCK, VPS cũng có thể mở tài khoản/tiểu khoản khác cho Khách hàng nhằm cung cấp dịch vụ chứng khoán được phép theo yêu cầu của Khách hàng.

From time to time during the term of the SA agreement, VPS shall open other accounts/sub-accounts for the Customer for the purpose of delivering licensed securities services upon the Customer's request.

- 2.5 Các tài khoản và tiểu khoản này đều gắn với tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng.

All accounts and sub-accounts herein shall be connected to the Customer's securities transaction account.

ĐIỀU A3. DỊCH VỤ CHỨNG KHOÁN

ARTICLE A3. SECURITIES SERVICES

- 3.1 VPS sẽ cung cấp cho Khách hàng các dịch vụ chứng khoán sau trên TKCK:

VPS shall provide to the Customer the following securities services on the Securities account:

- (a) Thực hiện giao dịch mua, bán và giao dịch khác đối với chứng khoán và tài sản tài chính được phép;

Exercising the the purchase and sale transaction and other transactions relating to securities and permitted financial assets;

- (b) Tham gia vào việc thanh toán tiền và bù trừ chứng khoán do Khách hàng giao dịch;

Participating in the payment and net off of securities being due to the Customer's trading;

- (c) Nhận tiền Khách hàng nộp/chuyển để giao dịch chứng khoán và cho các mục đích đầu tư và thanh toán được phép khác; nhận tiền của tổ chức/cá nhân khác chuyển hoặc thanh toán cho Khách hàng; quản lý nguồn tiền của Khách hàng và thực hiện lệnh/yêu cầu sử dụng tiền của Khách hàng (gồm cả thanh toán giao dịch chứng khoán, rút tiền, thanh toán cho giao dịch và mục đích khác và chuyển tiền đến tài khoản khác);

Receiving the Customer's money which was deposited/transferred for the securities trading purpose and permitted other investment and payment purposes; receiving money from other organizations/individuals which was transferred/paid to the Customer; managing the Customer's fund and perform the Customer's order/request of utilizing money (including payment of securities transaction, money withdrawal, transaction payment and other purposes and money transfer to other account);

- (d) Quản lý chứng khoán và tài sản được phép khác của Khách hàng;

Management of the Customer's permitted assets and securities;

- (e) Hỗ trợ Khách hàng thực hiện quyền của người sở hữu chứng khoán;

Assisting the Customer to exercise the rights of the securities holder;

- (f) Các dịch vụ giao dịch khác gắn với từng loại tài khoản/tiểu khoản phù hợp với nghiệp vụ được phép của VPS; và

Other trading services respectively involving each type of account/sub-account in accordance with VPS's permitted professions; and

- (g) Các dịch vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật được VPS cung cấp trong từng thời kỳ và được công bố trên website của VPS.

Other services in accordance with the regulations of laws which is provided by VPS from time to time and announced on VPS's website.

- 3.2 Tại từng thời điểm trong thời hạn Hợp đồng mở TKCK, Khách hàng có thể đưa ra yêu cầu đăng ký thêm/sửa đổi/hủy tiện ích, dịch vụ liên quan đến TKCK và việc sử dụng dịch vụ của Khách hàng. Các yêu cầu này phải được lập thành văn bản theo quy định được VPS ban hành/áp dụng trong từng thời kỳ. VPS có quyền chấp thuận hoặc từ chối các yêu cầu này của Khách hàng mà không cần giải thích lý do tùy theo quy định và khả năng đáp ứng dịch vụ của VPS trong từng thời kỳ.

From time to time during the term of the SA agreement, the Customer may request to register for supplement/alteration/cancellation of utilities, services relating to Securities account and the service utilization of the Customer. These requests must be formed in writing in accordance with regulations issued/applied by VPS from time to time. VPS shall have the right to accept or deny these requests of the Customers without having to explain the reason for such denial depending on the regulations and services providing capability of VPS from time to time.

ĐIỀU A4. CÁCH THỨC NHẬN LỆNH

ARTICLE A4. METHOD OF GETTING ORDER

- 4.1 VPS nhận lệnh của Khách hàng theo các cách thức sau:

VPS gets order of the Customer via the following mechanisms:

- (a) Nhận lệnh trực tiếp tại quầy giao dịch (là địa điểm giao dịch được phép của VPS);

Direct order at trading counter (being the trading location approved by VPS);

- (b) Nhận lệnh qua điện thoại; và

Order via telephone; and

- (c) Nhận lệnh qua Hệ thống giao dịch điện tử theo quy định tại Phần C “THỎA THUẬN GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ” của Bộ T&C này.

Order via Electronic Trading System according to the provisions at Part C “DIGITAL TRADING AGREEMENT” of this T&C.

- 4.2 VPS có thể nhận lệnh của Khách hàng qua cách thức khác phù hợp với quy định của pháp luật và theo chính sách/quy tắc do VPS ban hành trong từng thời kỳ.

VPS may get order from the Customer via other mechanisms in accordance with the regulations of laws and policy/regulation issued by VPS from time to time.

- 4.3 Trong trường hợp hợp đồng/thỏa thuận mà cả VPS và Khách hàng là một bên có chứa đựng lệnh thì bằng việc ký hợp đồng/thỏa thuận đó, Khách hàng được coi là lập và gửi lệnh cho VPS và VPS được coi là nhận lệnh của Khách hàng. Tương tự, nếu Khách hàng gửi văn bản có chứa lệnh đến VPS liên quan đến giao dịch của Khách hàng và bên thứ ba và VPS chấp thuận việc đó thì bằng việc gửi văn bản, Khách hàng được coi là lập và gửi lệnh cho VPS.

In case the contract/agreement where both VPS and the Customer are a contracting party contains order, by executing such contract/agreement, the Customer is deemed to establish and give order to VPS and VPS is deemed to received order from the Customer. Similarly, if the Customer send a written document which contain order to VPS related to the transactions of the Customer and the third party and if it is approved by VPS, then by sending such document, the Customer is deemed to establish and send order to VPS.

ĐIỀU A5. QUY ĐỊNH CHUNG VỀ LỆNH

ARTICLE A5. GENERAL PROVISIONS TO THE ORDER

- 5.1 Khách hàng chỉ lập và gửi lệnh theo mẫu do VPS cung cấp hoặc đồng ý và theo phương thức áp dụng cho loại lệnh đó quy định trong Hợp đồng mở TKCK.

The Customer shall only establish and send pro-format order as approved or agreed by VPS and via the mechanism applicable to such type of order as prescribed under the SA agreement.

- 5.2 Lệnh của Khách hàng phải có đủ thông tin bắt buộc theo quy định của pháp luật và VPS.

Customer’s order must contain sufficient mandatory information as required by the regulations of laws and VPS.

- 5.3 Khách hàng là pháp nhân có trách nhiệm tuân thủ quy định nội bộ của mình khi lập và gửi lệnh (cả về nội dung và thủ tục). Khi nhận được lệnh của Khách hàng, VPS được mặc nhiên coi rằng Khách hàng đã tuân thủ quy định nội bộ của mình.

Customer being a legal entity must comply with its internal regulation when establishing and giving order (in terms of both procedures and contents). Upon receipt of order from the Customer, VPS is entitled to undoubtedly deem that the Customer has complied with its internal regulations.

- 5.4 Nếu nhận được lệnh và tin tưởng trên tinh thần thiện chí lệnh đó là thật và được ký bởi chính Khách hàng (hoặc người được Khách hàng ủy quyền đã đăng ký với VPS) thì VPS có quyền thực hiện lệnh đó. Nếu VPS không thể xác minh được chữ ký trên lệnh của Khách hàng so với chữ ký mẫu của Khách hàng sau khi đã thực hiện mọi thủ tục xác minh hợp lý thì VPS có quyền không thực hiện lệnh. Nếu VPS có lý do hợp lý để nghi ngờ chữ ký trên lệnh không phải là chữ ký Khách hàng (hoặc người được Khách hàng ủy quyền đã đăng ký với VPS) thì VPS có quyền trì hoãn thực hiện lệnh cho đến khi đã thực hiện xong việc xác thực cần thiết.

Upon receipt of order and if VPS believes in good faith spirit that such order is genuine and was signed by the Customer himself/herself (or the signature of the Customer's authorized person as registered to VPS), VPS is entitled to exercise such order. If VPS is unable to indentify the signature on Customer's order after comparing to the templated signature of the Customer despite all reasonable identification procedures has been performed, VPS is entitled to not exercise the order. If VPS has reasonable reasons to doubt that the signature on the order was not the Customer's signature (or the signature of the Customer's authorized person as registered to VPS), VPS is entitled to postpone the exercise of the order until the necessary identification procedures has been completed.

- 5.5 Nếu nhận được lệnh của Khách hàng mà người ký lệnh không phải là người đại diện đã đăng ký với VPS thì VPS có quyền yêu cầu Khách hàng đăng ký người đại diện bổ sung trước khi thực hiện lệnh.

If VPS received an order of the Customer under which the signatory person is not the authorized person registered to VPS, VPS is entitled to request the Customer to register the supplemented authorized person before exercising the order.

- 5.6 Nếu VPS nhận được hai hay nhiều lệnh từ Khách hàng (theo cùng phương thức hoặc theo phương thức khác nhau) có nội dung mâu thuẫn nhau thì VPS được từ chối thực hiện lệnh đến sau nếu đã thực hiện xong lệnh đến trước hoặc chỉ thực hiện được một phần nhưng việc thực hiện lệnh đến sau, theo đánh giá hợp lý của VPS, là không phù hợp, không thể thực hiện được hoặc sẽ gây hoặc có nguy cơ gây thiệt hại cho VPS hoặc việc hủy lệnh đến trước là không thể thực hiện được trên thực tế.

If VPS received two or more orders from the Customer (via the same mechanism or via different mechanisms) under which one's contents conflict with each other, VPS is entitled to exercise the later-coming order if the forth-coming order has been exercised in full or in part but the exercise of the later-coming order, according to VPS's reasonable assessment, is inappropriate, non-exercisable or threaten to cause damages to VPS or the cancellation of the forth-coming order is in fact not possible.

- 5.7 VPS chỉ thực hiện lệnh của Khách hàng sau khi Khách hàng đã đáp ứng được các điều kiện theo quy định của pháp luật để lệnh có thể được thực hiện, kể cả có đủ tiền hoặc chứng khoán theo yêu cầu trên TKCK cho lệnh mua hoặc bán tương ứng.

VPS shall only exercise Customer's order after the Customer has satisfied the conditions under the regulations of laws so that such order can be exercised, even though the Customer has sufficient amount of money or securities on Securities account as required for the respective buying or selling order.

- 5.8 VPS được từ chối thực hiện lệnh nếu lệnh đó được gửi đến khi đã quá khung thời gian thực hiện (xác định theo quy định của pháp luật hay quy chế của Sở giao dịch chứng khoán, VSD hoặc VPS) hoặc sau thời điểm chốt sổ (cut-off time) (xác định theo chính sách được VPS áp dụng trong từng thời kỳ và được công bố trên website của VPS).

VPS is entitled to refuse to exercise the order if such order is delivered after the exercisable timeframe (as determined by the regulations of laws or regulations of the Stock Exchange, VSD or VPS) or after the cut-off time (as determined by VPS's policy applicable from time to time which was announced on VPS's website).

- 5.9 Việc lập, gửi và thực hiện lệnh của Khách hàng phải tuân thủ chính sách, quy định và quy chế do VPS áp dụng trong từng thời kỳ, và được công bố trên website của VPS.

The establishment, delivery and exercise of Customer's order must comply with the policy, provisions and regulations applied by VPS from time to time which was announced on VPS's website.

ĐIỀU A6. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA KHÁCH HÀNG

ARTICLE A6. RIGHTS AND OBLIGATIONS OF THE CUSTOMER

Ngoài các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các phần khác của Bộ T&C và pháp luật, Khách hàng có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

Beside the rights and obligations regulated in other part of this T&C and under the laws, the Customer shall have the following rights and obligations:

Quyền:

Rights:

- 6.1 Khách hàng là chủ sở hữu hợp pháp với toàn bộ số tiền và chứng khoán trên TKCK, được thực hiện các quyền hợp pháp của người sở hữu chứng khoán theo quy định của pháp luật.

The Customer is the legitimate owner of the whole amount of money and securities in the Securities account, and shall have the right to exercise the legitimate rights of the securities owner in accordance with regulations of laws.

- 6.2 Khách hàng được hưởng mức lãi suất theo quy định của VPS công bố trong từng thời kỳ đối với số dư tiền có trên TKCK.

The Customer is entitled to the interest rate in accordance with VPS's regulation from time to time applicable to the balance in the Securities account.

- 6.3 Phụ thuộc vào Khoản 7.2 Điều A7 dưới đây, Khách hàng được rút/chuyển một phần hoặc toàn bộ tiền, chứng khoán ra khỏi TKCK khi không có nhu cầu giao dịch hoặc khi chấm dứt Hợp đồng mở TKCK với điều kiện tiền và chứng khoán đó không bị ràng buộc, hạn chế bởi các nghĩa vụ hoặc trách nhiệm nào với VPS/hoặc với bất kỳ bên thứ ba nào có liên quan hoặc theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

Depending on Sub-Clause 7.2 of Article A7 hereunder, the Customer is entitled to withdraw/transfer a part or all of the balance, the securities out of the Securities account when the Customer does not have the need for trading or upon the termination of the SA agreement provided that such amount or securities is not under any constraint or limitation by any obligation or liability to VPS/or to any relevant third party or as required by the competent authority.

- 6.4 Khách hàng có quyền yêu cầu VPS xuất hóa đơn tài chính theo đúng quy định pháp luật. Khách hàng cần liên hệ với VPS trong giờ hành chính vào các ngày giao dịch tương ứng (nếu muốn cấp hóa đơn tài chính theo ngày) hoặc vào ngày giao dịch cuối cùng của tháng (nếu muốn cấp hóa đơn tài chính theo tháng). Nếu Khách hàng không yêu cầu cụ thể, VPS sẽ gộp phí dịch vụ của Khách hàng vào tổng mức phí dịch vụ của VPS (của tất cả khách hàng phát sinh trong tháng) và/hoặc phần lãi vay của Khách hàng vào tổng mức lãi vay của VPS (của tất cả khách hàng phát sinh trong tháng) và xuất hóa đơn tài chính chung cho từng tháng giao dịch vào ngày giao dịch cuối cùng của tháng tương ứng.

The Customer is entitled to request VPS to issue financial invoice in accordance with the regulations of laws. The Customer shall contact with VPS within office hours of the respective Trading day (if the Customer want to have daily financial invoice) or at the last Trading day of each month (if the Customer want to have monthly financial invoice). If the Customer does not specifically request, VPS shall include the service fee to the Customer into the total service fee of VPS (incurred to all Customer in each month) and/or include the loan interest of the Customer in the total loan interest of VPS (incurred to all Customer in each month) and issue sum-up financial invoice for each month in the last Trading day of the respective month.

Nghĩa Vụ:

Obligations:

- 6.5 Khách hàng có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ và trung thực các thông tin về Khách hàng theo yêu cầu tại Hợp đồng mở TKCK, cam đoan và cam kết thông tin đã cung cấp là đúng sự thật và phải thông báo

cho VPS khi phát sinh những thay đổi có liên quan. Khách hàng phải chịu mọi trách nhiệm, rủi ro hoặc thiệt hại liên quan đến việc thay đổi thông tin mà không thông báo cho VPS. Các thông tin của Khách hàng trên TKCK sẽ đồng nhất với các thông tin trên tài khoản giao dịch phái sinh, các tài khoản, tiểu khoản khác mà VPS mở theo yêu cầu của Khách hàng. Khi các thông tin của TKCK có sự thay đổi đồng nghĩa với việc các thông tin tại các tài khoản, tiểu khoản khác cũng thay đổi tương ứng.

The Customer shall have the obligations to provide in full and in an honest manner all information about the Customer as required under the SA agreement, shall represent and warrant that the provided information is in fact true and shall inform VPS upon the arise of any relevant changes. The Customer shall bear any and all liabilities, risks and damages relating to the change of information which was not informed to VPS. The Customer's information on the Securities account shall be the same with the information on other the derivative trading account, the accounts, the sub-account that VPS open upon Customer's request. Upon the change of information on the Securities account, the information on other accounts, sub-accounts shall change accordingly.

- 6.6 Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán các khoản phí môi giới, các khoản phí khác theo quy định của VPS và có trách nhiệm nộp các loại thuế, phí liên quan theo quy định của pháp luật. Khách hàng mặc nhiên chấp thuận việc VPS tự động khấu trừ vào tài khoản giao dịch chứng khoán của Khách hàng các khoản thuế, phí dịch vụ trước hoặc ngay khi VPS cung cấp dịch vụ theo biểu phí của VPS.

The Customer is responsible to pay the broker fee, and other fees in accordance with VPS's regulation and the Customer is responsible to pay relevant all taxes, fees in accordance with the regulations of laws. The Customer undoubtedly agrees that VPS will automatically deduct from the securities trading accounts of the Customer the taxes, service fees before or immediately after VPS's provision of service in accordance with VPS's quoted fee.

- 6.7 Nếu Khách hàng không thực hiện đúng, đầy đủ các nghĩa vụ phát sinh với VPS theo Hợp đồng mở TKCK và các thỏa thuận khác có liên quan, Khách hàng đương nhiên và tự nguyện chấp thuận để VPS có toàn quyền và tự động phong tỏa, xử lý các tài sản trên TKCK và các tài sản khác (nếu có) để khấu trừ/ thực hiện các nghĩa vụ còn lại của Khách hàng mà không có bất kỳ khiếu kiện, yêu cầu và/hoặc phản đối nào đối với VPS.

If the Customer does not perform correctly, in full all obligations incurred by VPS in accordance with Securities account and other relevant agreements, the Customer automatically and voluntarily accept that VPS shall have all the rights to automatically freeze and enforce the assets in Securities account and other assets (if any) to net-off/ perform the outstanding obligations of the Customer without any claim, demand and/or objection against VPS.

- 6.8 Khách hàng tự chịu rủi ro đối với mọi quyết định sử dụng TKCK, tiền hay tài sản trên TKCK (Khách hàng hiểu rằng VPS không đưa ra bất kỳ cam kết hay bảo đảm nào (dù rõ ràng hay ngụ ý) về bảo toàn vốn đầu tư của Khách hàng hay khả năng sinh lợi của vốn đầu tư).

The Customer shall bear all risks relating to its decision in utilizing the Securities account, balance and assets in Securities account (the Customer understood that VPS does not offer any undertaking or guarantee (whether explicitly or implicitly) regarding the preservation of Customer's investment capital or the profitability of investment capital).

- 6.9 Khách hàng có nghĩa vụ tuân thủ quy định của pháp luật, quy chế/quy định của VSD, SGDCK và quy chế/quy định của VPS có liên quan trong việc mở và sử dụng TKCK, tiền và tài sản trên TKCK.

The Customer is obliged to comply the regulations of laws, provisions/regulations of VSD, the Stock Exchange and provisions/regulations of VPS relating to the open and utilization of Securities account, balance and assets in Securities account.

6.10 Khách hàng phải bảo đảm tính hợp pháp về số tiền và chứng khoán Khách hàng sở hữu.

The Customer must warrant the legitimacy of the balance and securities that it possesses.

6.11 Khách hàng có nghĩa vụ ký/xác nhận công nợ với VPS khi có yêu cầu từ bên thứ ba và/hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

The Customer shall sign/confirm liabilities to VPS upon request of the third party and/or the competent State authority.

6.12 Khách hàng có trách nhiệm công bố thông tin đối với các giao dịch mua bán chuyển nhượng trên TKCK của Khách hàng theo quy định pháp luật, bao gồm nhưng không hạn chế bởi các trường hợp Khách hàng tự bán chứng khoán hoặc VPS thực hiện lệnh bán giải chấp chứng khoán ký quỹ (nếu có) hoặc bán chứng khoán cầm cố.

The Customer is obliged to announce information with regards to sale, purchase and transfer transaction on Customer's Securities account in accordance with the regulations of laws, including but not limited to the cases where the Customer deliberately sell the securities or VPS exercise the selling order to sell the marginable securities (if any) or selling the pledged shares.

6.13 Khách hàng có nghĩa vụ thông báo tới VPS các giao dịch mà Khách hàng là người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ theo quy định pháp luật.

The Customer shall notify VPS about the transaction where the Customer being the internal person, related person of the internal person in accordance with the regulations of laws.

6.14 Trước khi ký Hợp đồng mở TKCK với VPS, Khách hàng có nghĩa vụ mở tài khoản vốn đầu tư gián tiếp và đăng ký mã số giao dịch chứng khoán theo quy định pháp luật và thông báo đầy đủ các thông tin này cho VPS.

Before executing the SA agreement with VPS, the Customer must open the Indirect investment capital account and register the Trading code in accordance with the regulations of laws and properly inform such information to VPS.

ĐIỀU A7. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA VPS

ARTICLE A7. RIGHTS AND OBLIGATIONS OF VPS

Ngoài các quyền và nghĩa vụ được quy định tại các phần khác của Bộ T&C và pháp luật, VPS có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

Beside the rights and obligations regulated in other part of this T&C and under the laws, VPS shall have the following rights and obligations:

Quyền/Rights:

7.1 VPS được thu phí/giá dịch vụ từ Khách hàng theo mức phí/giá đã công bố cho Khách hàng.

VPS is entitled to collect service fee/price from the Customer according to the fee/price quoted to the Customer.

7.2 VPS được tạm khóa/phong tỏa một phần hoặc toàn bộ một hoặc một số TKCK:

VPS is entitled to temporarily lock/freeze a part or the whole of one or several Securities account:

(a) Theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;

As requested by the competent State authority;

(b) Theo thỏa thuận giữa Khách hàng và VPS; hoặc

According to agreement between the Customer and VPS; or

(c) Theo yêu cầu của chính Khách hàng.

As requested by the Customer.

7.3 VPS được phép yêu cầu ngân hàng nơi Khách hàng mở tài khoản tiền giao dịch chứng khoán trích số dư tiền trên tài khoản tiền để thực hiện thanh toán các lệnh mua, thanh toán các khoản phí, thuế cho các lệnh mua/bán chứng khoán đã được thực hiện của Khách hàng.

VPS is entitled to request the bank where the Customer open the securities trading money account to extract the balance on the money account to exercise the buying order, to pay the fees, taxes relating to the exercised securities selling/buying order of the Customer.

7.4 VPS được ghi tăng/ghi giảm chứng khoán trên TKCK để thực hiện thanh toán theo lệnh mua/bán của Khách hàng đã được thực hiện.

VPS is entitled to record the increase/decrease of securities in Securities account to perform the payment under exercised the selling/buying order of the Customer.

7.5 VPS chỉ có trách nhiệm thực hiện các giao dịch chứng khoán theo yêu cầu của Khách hàng và không chịu trách nhiệm về các quyết định giao dịch chứng khoán của Khách hàng.

VPS shall only be responsible to exercise the securities transaction as requested by the Customer and bear no liability to the securities trading decisions of the Customer.

7.6 VPS có quyền tạm ngừng/châm dứt/từ chối việc mở TKCK, đăng ký sử dụng dịch vụ trên TKCK, đóng/đình chỉ hoạt động của TKCK hoặc hủy bỏ dịch vụ Khách hàng đã đăng ký phù hợp với quy định của Hợp đồng mở TKCK, quy định của VPS và của pháp luật hoặc cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

VPS is entitled to temporarily suspend/terminate/deny the opening of Securities account, the registration of using services on Securities account, close/suspend the function of Securities account or cancel the Customer's registered services in accordance with the provisions of SA agreement, regulations of VPS and of the laws or the competent State authority.

7.7 VPS có quyền khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào trên TKCK để thanh toán cho phần nghĩa vụ mà Khách hàng phải thực hiện với VPS, cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc với bên thứ ba phối hợp cùng VPS để cung cấp dịch vụ cho Khách hàng.

VPS is entitled to deduct any amount in the Securities account to settle the obligations of the Customer to VPS, competent State authority or the third party cooperating with VPS to provide services to the Customer.

7.8 VPS được cung cấp thông tin liên quan đến TKCK và thực hiện các giao dịch khác theo ủy quyền của Khách hàng hoặc theo quy định của pháp luật tới các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền khi được yêu cầu.

VPS is entitled to provide the information relating to the Securities account and to perform other transaction under authorization of the Customer or in accordance with the regulations of laws to the competent State authority when requested.

Nghĩa Vụ/Obligations:

7.9 VPS phải quản lý tách bạch tiền gửi/tài sản của Khách hàng với tiền gửi/tài sản của Khách hàng khác và với tiền/tài sản của chính VPS.

VPS shall manage separately the deposition amount/assets of the Customer to the deposition amount/assets of the other Customer and to the deposition amount/assets of VPS itself.

7.10 VPS phải công bố mức phí/giá dịch vụ giao dịch chứng khoán trước khi Khách hàng thực hiện giao dịch.

VPS shall declare the securities trading service fee/price quote before the Customer exercises the transaction.

7.11 VPS có nghĩa vụ cập nhật thông tin thay đổi của Khách hàng liên quan đến TKCK khi Khách hàng có yêu cầu.

VPS shall update the change of Customer's information relating to Securities account upon the Customer's request.

7.12 VPS phải tuân thủ quy định của pháp luật, quy chế hay quy định có liên quan trong việc cung ứng dịch vụ cho Khách hàng liên quan đến TKCK.

VPS shall comply with the regulations of laws, relevant regulations and provisions regarding the provision of service to the Customer relating to the Securities account.

7.13 VPS không được sử dụng tiền và chứng khoán của Khách hàng nếu không được phép của Khách hàng, trừ trường hợp pháp luật quy định hoặc các bên có thỏa thuận khác.

VPS shall not use the money and securities of the Customer without the Customer's permission, except for the case being provided otherwise by the laws or the parties agreed otherwise.

7.14 VPS có nghĩa vụ thông báo thông tin về chứng khoán, thông tin về thực hiện quyền phát sinh từ chứng khoán và các thông báo khác trên website chính thức của VPS và/hoặc các phương thức khác do VPS lựa chọn phù hợp với quy định của pháp luật.

VPS shall notify the Customer with the information relating to securities, information on the exercise of rights arising out of the securities and other notification on VPS's official website and/or other mechanism chosen by VPS in accordance with the regulations of laws.

7.15 VPS có nghĩa vụ thông báo kết quả khớp lệnh cho Khách hàng.

VPS shall notify the Customer with the matching result.

ĐIỀU A8. THÔNG TIN LIÊN LẠC

ARTICLE A9. CONTACT INFORMATION

8.1 Khách hàng có thể gửi thông tin, thông báo cho VPS bằng cách chuyển tận tay hoặc qua dịch vụ chuyển phát của bên thứ ba (kể cả bưu chính hay chuyển phát) đến trụ sở, chi nhánh, phòng giao dịch hay điểm giao dịch được phép khác của VPS theo địa chỉ tương ứng được công bố trên website của VPS trong từng thời kỳ.

The Customer may deliver information, notice to VPS via hand-on delivery or via courier service of the third party (including post or courier) to the head office, branches, transaction offices or other approved transaction points of VPS at the address announced on VPS's website from time to time.

8.2 VPS có thể gửi thông tin, thông báo cho Khách hàng bằng cách chuyển tận tay hoặc qua dịch vụ chuyển phát đến địa chỉ ghi trên Hợp đồng mở TKCK hoặc địa chỉ khác đã được Khách hàng đăng ký/ đăng ký thay đổi và lưu trong hệ thống của VPS. VPS cũng có thể gửi thông tin, thông báo cho Khách hàng bằng cách gọi điện (có ghi âm) hoặc gửi tin nhắn (SMS) đến Số điện thoại và qua Thư điện tử.

VPS may deliver information, notice to the Customer via hand-on delivery or via courier service of the third party (including post or courier) to the address recorded in the SA agreement or other addresses which were registered/registered the change and recorded on VPS's system. VPS may also

deliver information, notice to the Customer via telephone call (which is recorded) or via SMS to the Phone number and via Email.

8.3 Một thông tin/thông báo (nếu có) được xem là đã gửi thành công:

An information/notice (if any) is deemed to be successfully delivered:

- (a) Nếu gọi điện, tại thời điểm cuộc gọi kết thúc thành công và được ghi âm;

If via phone call, at the the time the call successfully ended and recorded;

- (b) Nếu gửi qua tin nhắn (SMS), khi người gửi nhận được thông báo của nhà cung cấp dịch vụ chuyên tin nhắn rằng tin nhắn đã được gửi (delivered) thành công;

If via SMS, at the time when the sender received a notification of the message service provider stating that the SMS was successfully delivered.

- (c) Nếu gửi qua thư điện tử, khi thư điện tử có liên quan được gửi vào đúng địa chỉ thư điện tử người nhận và thư điện tử đã được lưu vào mục “Thư đi” (Sent) trong hộp thư của người gửi và trong vòng 24h từ thời điểm thư điện tử đó được lưu, người gửi không nhận được thông báo tự động nào về việc thư điện tử đó không được gửi thành công; và

If via email, when the relevant email was sent to the correct email of the recipient and the email was recorded in the folder “Sent” in the mailbox of the sender and within 24h from the moment that such email was recorded, the sender did not receive any automatic notification stating that such email was not successfully delivered; and

- (d) Nếu được gửi qua dịch vụ chuyên phát, tại thời điểm xác nhận nhận được gói bưu kiện đựng thông báo có liên quan.

If via courier, at the time when receipt of the package containing the relevant notice was confirmed.

8.4 VPS và Khách hàng có thể gửi thông tin, thông báo cho nhau qua Hệ thống giao dịch điện tử. Cách thức gửi và thời điểm nhận được thông tin, thông báo sẽ theo quy định của Phần C “Thỏa Thuận Giao Dịch Điện Tử”.

VPS and the Customer may deliver the information, notice to each other via Electronic Trading System. Delivering mechanism and time of receipt for such information, notice shall be in accordance with the provisions of Part C “Electronic Transaction Agreement”.

ĐIỀU A9. SỬA ĐỔI

ARTICLE A9. AMENDMENT

- 9.1 Hợp đồng mở TKCK (gồm cả Bộ T&C) có thể được sửa đổi theo thỏa thuận bằng văn bản được ký giữa VPS và Khách hàng (theo cách thức truyền thống hoặc theo phương thức giao dịch điện tử).

SA agreement (including the Y&C) can be amended by a written agreement signed between VPS and the Customer (in the traditional way or via electronic trading mechanism).

- 9.2 Hợp đồng mở TKCK cũng có thể được sửa đổi theo một trong các cách thức sau:

The SA agreement can also be amended via one of the following manners:

- (a) Theo thông báo của VPS hoặc công bố trên website của VPS và Khách hàng tiếp tục sử dụng dịch vụ có liên quan tại VPS; hoặc

Upon VPS’s notice or announcement on VPS’s website and the Customer continues to use the relevant services at VPS; or

- (b) Theo thông báo của VPS và Khách hàng gửi chấp thuận hoặc không gửi phản đối trong thời gian nêu trong thông báo đó.

Upon VPS's notice and the Customer delivers its consent or fails to deliver its disagreement within the time period specified in such notice.

Việc sửa đổi theo các cách trên có giá trị và hiệu lực như sửa đổi theo cách nêu tại Khoản 9.1 trên đây.

The amendment which is made via the above manners shall have the value and validity as it is amended via the manner under Article 9.1 hereabove.

ĐIỀU A10. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

ARTICLE A.10 LIABILITY OF THE PARTIES

- 10.1 VPS phải bồi thường cho Khách hàng đối với thiệt hại/tổn thất mà Khách hàng thực tế gánh chịu phát sinh trực tiếp từ việc VPS có hành vi vi phạm Hợp đồng mở TKCK một cách chủ ý hoặc lừa dối.

VPS shall compensate the Customer for the damages/losses which the Customer has to in fact suffered and arising directly out of VPS's behavior which deliberately or fraudulently breach the SA agreement.

- 10.2 Khách hàng phải bồi thường và bồi hoàn cho VPS (hoặc bên thứ ba do VPS chỉ định) đối với thiệt hại/tổn thất mà VPS (hoặc bên đó) thực tế gánh chịu phát sinh trực tiếp từ việc Khách hàng sử dụng TKCK và dịch vụ tại VPS hoặc Khách hàng vi phạm pháp luật, vi phạm Hợp đồng mở TKCK hoặc có hành vi lừa dối.

The Customer shall compensate and indemnify VPS (or a third party nominated by VPS) to all the damages/losses which VPS (or such third party) has to in fact suffered and arising directly out of the utilization of the Securities account and services at VPS by the Customer or the Customer's violation of laws and breach of SA agreement or having fraudulent behavior.

- 10.3 VPS được miễn trách nhiệm với Khách hàng khi không thực hiện một hành động mà theo đánh giá của VPS thì việc thực hiện hành động đó sẽ dẫn đến vi phạm pháp luật.

VPS shall be immune to the liabilities toward the Customer if VPS does not perform an action which, according to VPS's assessment, the performance of such action will lead to a violation of laws.

- 10.4 VPS không phải chịu trách nhiệm đối với hành vi vi phạm pháp luật của Khách hàng. VPS cũng không phải chịu trách nhiệm do hành vi của bất kỳ bên thứ ba nào mà không phải là đại diện của VPS.

VPS shall not be liable for any of the Customer's violation of laws. VPS shall also not be liable for the actions of any third party which is not VPS's representative.

- 10.5 Khách hàng hiểu rằng mình phải tự quyết định đầu tư và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đó của mình (ý kiến của nhân viên môi giới, nhân viên tư vấn đầu tư chỉ có ý nghĩa tham khảo).

The Customer understood that he/shre has to make the investment decision at its own discretion and shall be responsible for such decision (the opinions of the brokers, investment advisors shall be for reference only).

- 10.6 Khi Khách hàng hoặc người được Khách hàng ủy quyền ký tên vào lệnh, Khách hàng mặc nhiên thừa nhận đã cân nhắc kỹ lưỡng trước khi yêu cầu VPS thực hiện lệnh.

When the Customer or the Customer's authorized representative signed on the order, the Customer undoubtedly acknowledges that it has been thoroughly considered before requesting VPS to exercise the order.

- 10.7 Khách hàng mặc nhiên công nhận và chấp thuận kết quả giao dịch do VPS thực hiện theo lệnh của Khách hàng hoặc của người được Khách hàng ủy quyền theo cách thức đặt lệnh được các bên thoả thuận tại Hợp đồng mở TKCK. Nếu Khách hàng ủy quyền cho người khác giao dịch bằng các hình thức ủy quyền theo quy định của pháp luật thì các giao dịch được thực hiện bởi người được Khách hàng ủy quyền được coi là giao dịch của chính Khách hàng.

The Customer undoubtedly acknowledges and accepts the result of the trades exercised by VPS following the Customer's order or the order of the Customer's authorized representative via placing order mechanism under the SA agreement. If the Customer authorizes other person via the authorization formalities in accordance with the regulations of laws, the transaction performed by such person shall be deemed as the Customer's transaction.

- 10.8 Khách hàng và người ủy quyền hợp pháp của Khách hàng có trách nhiệm theo dõi và tự mình kiểm tra tình trạng giao dịch, số dư tiền, số dư chứng khoán trên TKCK và chủ động theo dõi biến động giá chứng khoán trên thị trường. Nếu có thắc mắc liên quan tới TKCK, giao dịch đã được thực hiện cũng như những dịch vụ do VPS cung cấp (kể cả sai sót, giao dịch trái thẩm quyền) thì Khách hàng phải gửi yêu cầu bằng văn bản tới VPS trong vòng 24h kể từ thời điểm phát sinh giao dịch hoặc từ thời điểm diễn ra sự thay đổi trên TKCK của Khách hàng. Sau thời hạn này, nếu Khách hàng không có bất kỳ phản đối nào, Khách hàng được xem là mặc nhiên xác nhận các giao dịch, số dư tiền và chứng khoán của Khách hàng trên TKCK. VPS không có trách nhiệm đối với các giao dịch nào được thực hiện trên TKCK ngoại trừ các giao dịch mà Khách hàng đã thực hiện theo đúng Hợp đồng mở TKCK và đã được xác minh là có sai sót, gian lận hoặc giao dịch trái thẩm quyền do lỗi của VPS.

The Customer and the legitimate authorized representative of the Customer shall be responsible to track and check on his/her own the transaction status, balance amount, securities balance in the Securities account and actively track the fluctuation of securities price on the market. If there is any inquiries relating to the Securities account, the exercised transaction as well as the services provided by VPS (including the mistakes, unauthorized transaction), the Customer shall deliver a written request to VPS within 24 hours from the time of arising transactions or from the time when the changes are recorded on the Securities account of the Customer. After such period, if the Customer does not have any objection, the Customer shall be deemed to undoubtedly accept the transaction, balance amount and securities of the Customer on the Securities account. VPS shall not be liable to any transaction which was conducted on the Securities account except for the transactions which the Customer has properly conducted in accordance with the SA agreement and has been confirmed that there was a mistake, frauds or unauthorized transaction occurred on VPS's fault.

- 10.9 Trường hợp Khách hàng là tổ chức, Khách hàng cam đoan rằng nội dung và việc ký Hợp đồng mở TKCK đã được phê duyệt đầy đủ và hợp lệ bởi các cơ quan/cấp có thẩm quyền nội bộ của Khách hàng và người ký đại diện cho Khách hàng trên các hồ sơ giao dịch là người đại diện hợp pháp của Khách hàng.

In case the Customer is an organization, The Customer undertakes that the contents and the execution of the SA agreement has been properly approved and valid by the competent internal authorities/bodies of the Customer and the signatory representing the Customer on the transaction document is the legitimate representative of the Customer.

- 10.10 Khách hàng cam đoan việc ký Hợp đồng mở TKCK này là phù hợp với quyền hạn/chức năng hoạt động của khách hàng, không trái với các quy định pháp luật của nước sở tại; đồng thời trong mọi trường hợp, nếu Khách hàng bị phán xét hoặc nhận được bất kỳ một quyết định bất lợi nào từ phía cơ quan có thẩm quyền của nước sở tại thì VPS được miễn trừ toàn bộ trách nhiệm và được đảm bảo quyền lợi theo Hợp đồng mở TKCK đã ký giữa các bên.

The Customer undertakes that the execution of this SA agreement is fit with the authority/operating function of the Customer, not against any regulations of laws of the hosting country; also in any

circumstance, if the Customer is under a judgement or receives a unfavourable decision from the competent authority of the hosting country, VPS is immune to all liabilities and its benefit from the executed SA agreement shall be preserved.

- 10.11 Khách hàng có trách nhiệm thông báo cho VPS các thông tin về việc trở thành/không còn là cổ đông nội bộ của công ty đại chúng/quỹ đại chúng và/hoặc thực hiện công bố thông tin theo quy định đối với các trường hợp cần thực hiện công bố thông tin trong quá trình giao dịch chứng khoán tại VPS.

The Customer is obliged to notify VPS regarding the information about the becoming/no longer be an internal shareholder of the public company/public fund and/or perform the information announcement in accordance with the regulations of laws if it is the case needed to be publicly announced during the securities trading process at VPS.

- 10.12 Trong mọi trường hợp, Khách hàng cam đoan đã và sẽ tìm hiểu, nắm bắt và chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật và của VPS liên quan đến việc giao dịch chứng khoán, sử dụng tài khoản chứng khoán của Khách hàng và các quy định về phòng chống rửa tiền.

At all cases, the Customer undertakes that he/she has and will be researching, learning and seriously obeying the regulations of laws and of VPS relating to the securities trading, utilizing the Securities account of the Customer and the regulations on anti money laundering.

ĐIỀU A11. HIỆU LỰC; CHẤM DỨT VÀ THANH LÝ

ARTICLE 11. EFFECTIVENESS; TERMINATION AND LIQUIDATION

- 11.1 Hợp đồng mở TKCK có hiệu lực từ ngày ký.

The SA agreement shall be effective from the execution date.

- 11.2 Hợp đồng mở TKCK có thể bị chấm dứt theo thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên. Trong trường hợp này, quyền và nghĩa vụ của các bên khi Hợp đồng mở TKCK bị chấm dứt sẽ theo thỏa thuận bằng văn bản giữa các bên.

The SA agreement might be terminated by a written agreement between the parties. In this case, rights and obligations of the parties upon the termination of the SA agreement shall be in accordance with the written agreement between the parties.

- 11.3 VPS có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mở TKCK trong các trường hợp sau:

VPS is entitled to unilaterally terminate the SA agreement in the following circumstances:

- (a) Khách hàng vi phạm pháp luật trong việc mở/sử dụng TKCK hoặc dịch vụ tại VPS mà theo đánh giá của VPS vi phạm đó gây hoặc có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến mình;

The Customer violates the laws in opening/utilizing the Securities account or services at VPS which, according to VPS's assessment, such violation causes or may cause adverse effect to VPS;

- (b) VPS phải chấm dứt Hợp đồng mở TKCK theo yêu cầu của Cơ quan có thẩm quyền;

VPS must terminate the SA agreement according to the Competent authority's demand;

- (c) Khách hàng vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng mở TKCK hoặc quy định của VPS trong quá trình sử dụng TKCK và vi phạm đó không được khắc phục trong vòng 15 (mười lăm) ngày từ ngày Khách hàng nhận được thông báo bằng văn bản về vi phạm đó từ VPS;

The Customer fundamentally breaches the SA agreement or VPS's regulations during the utilization of the SA agreement and such breach is not remedied within 15 (fifteen) days from the date when the Customer received the written notice on such breach from VPS;

- (d) Khách hàng có hành vi lừa dối, kể cả cung cấp sai thông tin cho thủ tục “nhận biết Khách hàng” hoặc mở tài khoản;
The Customer conducts fraudulent behavior, including providing incorrect information for the “know your Customer” procedures or opening account procedure;
- (e) VPS đề xuất sửa đổi Hợp đồng mở TKCK mà Khách hàng không đồng ý;
VPS proposes the amendment of the SA agreement but the Customer disagrees;
- (f) VPS ngừng thực hiện nghiệp vụ môi giới chứng khoán;
VPS stops conducting securities brokerage business;
- (g) VPS ngừng kinh doanh chứng khoán; hoặc
VPS stops conducting securities business; or
- (h) VPS thực hiện tổ chức lại doanh nghiệp dẫn đến dừng hoạt động và tổ chức được hình thành từ việc tổ chức lại không kế thừa quyền và nghĩa vụ của VPS theo Hợp đồng mở TKCK.
VPS conducts the enterprise reorganization leading to the suspension of operation and the organization arises from the reorganization does not inherit VPS’s rights and obligations under the SA agreement.

VPS thực hiện quyền đơn phương này bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho Khách hàng. Hợp đồng mở TKCK sẽ chấm dứt vào ngày ghi trên thông báo đó với điều kiện là ngày chấm dứt không được sớm hơn 10 ngày từ ngày gửi thông báo.

VPS may exercise such unilateral right by delivering a written notice to the Customer. The SA agreement shall be terminated on the date specified in such notice given that such termination date shall be no sooner than 10 days from the date of which the notice was sent.

- 11.4 Khách hàng có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mở TKCK nếu VPS vi phạm nghiêm trọng Hợp đồng mở TKCK và vi phạm đó không được khắc phục trong vòng 15 (mười lăm) ngày từ ngày VPS nhận được thông báo bằng văn bản về vi phạm đó từ Khách hàng. Khách hàng thực hiện quyền đơn phương này bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho VPS. Hợp đồng mở TKCK sẽ chấm dứt vào ngày ghi trên thông báo đó với điều kiện là ngày chấm dứt không được sớm hơn 10 ngày từ ngày gửi thông báo.

The Customer is entitled to unilaterally terminate the SA agreement if VPS fundamentally breaches the SA agreement and such breach is not remedied within within 15 (fifteen) days from the date when VPS received the written notice on such breach from the Customer. The Customer may exercise such unilateral right by delivering a written notice to VPS. The SA agreement shall be terminated on the date specified in such notice given that such termination date shall be no sooner than 10 days from the date of which the notice was sent;

Khách hàng cũng có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng mở TKCK vì bất kỳ lý do nào khác bằng cách gửi thông báo bằng văn bản cho VPS. Hợp đồng mở TKCK sẽ chấm dứt vào ngày ghi trên thông báo đó với điều kiện là ngày chấm dứt không được sớm hơn 30 ngày từ ngày gửi thông báo.

The Customer shall also be entitled to unilaterally terminate the SA agreement for any other reason by sending a written notice to VPS. The SA agreement shall be terminated on the date specified in such notice given that such termination date shall be no sooner than 30 days from the date of which the notice was sent.

- 11.5 Cho dù Hợp đồng mở TKCK này chấm dứt trong bất kỳ tình huống nào trên đây, các bên sẽ cùng nhau tiến thành thủ tục thanh lý để cho phép:

Regardless if the SA agreement was terminated in any of the aforementioned circumstances, the parties shall together implement the liquidation procedures to allow:

- (a) VPS chuyển giao tiền và tài sản còn trên TKCK (sau khi đã khấu trừ các loại thuế, phí và nghĩa vụ còn tồn đọng với VPS hoặc bên thứ ba (thông qua VPS));

VPS to return the balance and the assets which are outstanding on the Securities account (after deducting the outstanding taxes, fees and liabilities to VPS or a third party (via VPS));

- (b) Khách hàng thanh toán đủ các khoản phí, chi phí và thuế còn tồn đọng (nếu có) liên quan đến TKCK; và

The Customer to fully pay the outstanding fees, expenses and taxes (if any) relating to the Securities account; and

- (c) VPS đóng TKCK.

VPS to close the Securities account.

- 11.6 Trừ khi các bên có thỏa thuận khác, việc chấm dứt Hợp đồng mở TKCK không làm ảnh hưởng đến quyền và nghĩa vụ của các bên phát sinh trước thời điểm chấm dứt. Các quy định tại Điều A12 vẫn tiếp tục áp dụng sau khi Hợp đồng mở TKCK chấm dứt.

Unless the parties agree otherwise, the termination of the SA agreement does not affect the rights and obligations if the parties which arises before the termination. The provisions of Article A12 shall survive the termination of the Securities account.

ĐIỀU A12. BẢO MẬT & SỬ DỤNG THÔNG TIN

ARTICLE 12. CONFIDENTIALITY AND USAGE OF INFORMATION

- 12.1 Mỗi bên có trách nhiệm bảo mật việc ký và nội dung Hợp đồng mở TKCK và chỉ được tiết lộ (i) khi được bên kia chấp thuận trước, (ii) nhằm tuân thủ pháp luật hoặc yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc giải quyết tranh chấp hoặc (iii) nhằm phục vụ việc tuân thủ nội bộ và vận hành của VPS.

Each party shall keep confidential the execution and the content of the SA agreement and shall only be disclosed (i) upon prior written consent of the other party, (ii) for the purpose of legal compliance or upon request by the competent State authority or dispute resolution authority, or (iii) for the purpose of VPS's internal compliance and operation.

- 12.2 Khách hàng đồng ý và cho phép VPS lưu giữ và xử lý thông tin về Khách hàng (trong đó có thông tin về tài khoản, tài sản và giao dịch) mà VPS nhận được liên quan đến hoặc theo Hợp Đồng này, giao dịch giữa Khách hàng và VPS hay giao dịch giữa Khách hàng và bên thứ ba qua hệ thống/dịch vụ của VPS (gọi chung là “**thông tin**”). VPS sẽ lưu giữ thông tin ở chế độ bảo mật và chỉ tiết lộ trong phạm vi cho phép bởi Hợp đồng mở TKCK.

*The Customer agrees and permits VPS to restore and process the information of the Customer (including the information about the accounts, assets and transactions) which VPS received relating to or in accordance with this Agreement, transactions between the Customer and VPS or the transaction between VPS and the third party via VPS's system/services (hereinafter as “**information**”). VPS shall store the information in confidential mode and shall not disclose to the extend permitted by the SA agreement.*

- 12.3 Khách hàng đồng ý và cho phép VPS sử dụng, lưu trữ, chia sẻ, gửi đi (kể cả ra bên ngoài địa điểm kinh doanh của VPS) và trao đổi thông tin với người khác mà VPS thấy cần thiết:

The Customer agrees and permits VPS to use, store, share, send away (including to outside of VPS's trading location) and exchange the information with other person as VPS deems necessary:

- (a) Nhằm cung cấp dịch vụ cho Khách hàng (gồm cả cho VSD, các SGDCK, đối tác giao dịch của Khách hàng và bên thứ ba cung cấp dịch vụ/sản phẩm cho Khách hàng phụ trợ cho dịch vụ của VPS);

To provide service to the Customer (including VSD, the Stock Exchange, transaction counterparty of the Customer and the third party to provide services/products to the Customer supporting to VPS's service);

- (b) Nhằm hỗ trợ hay tạo điều kiện cho Khách hàng sử dụng sản phẩm/dịch vụ của bên thứ ba qua VPS;

To support or facilitate the Customer to use products/services of the third party through VPS;

- (c) Để tuân thủ pháp luật Việt Nam;

To comply with Vietnamese laws;

- (d) Liên quan đến hoạt động hợp pháp của VPS nhằm tăng chất lượng dịch vụ/trải nghiệm cho Khách hàng nói chung (trong đó có hoạt động chấm điểm tín dụng (credit scoring), phân tích thị trường, nghiên cứu và phân tích nhu cầu Khách hàng và các mục đích vận hành và quản trị khác);

Relating to the legitimate operation of VPS for the purpose of promoting service quality/Customer's experience in general (including the credit scoring activity, market analysis, researching and analyzing Customer's needs and other operation and management purposes);

- (e) Nhằm thực hiện nghĩa vụ của VPS với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (kể cả nhằm báo cáo hoặc cung cấp thông tin theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền); và

To perform VPS's obligation to the competent State authority (including for the purpose of reporting or providing information upon the competent State authority's demand); and

- (f) Nhằm mục đích kiểm soát rủi ro.

For the purpose of risk management.

Khi cung cấp thông tin cho bên thứ ba (ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật, VSD, các SGDCK hay cơ quan Nhà nước có thẩm quyền), VPS sẽ nỗ lực để bảo đảm bên thứ ba cũng phải bảo mật thông tin.

When disclosing the information to the third party (except for upon demands by the laws, VSD, the Stock Exchanges or competent State authority), VPS shall use its effort to ensure the third party to keep the information confidential.

- 12.4 Khách hàng đồng ý và cho phép VPS (trong phạm vi không bị pháp luật cấm) thuê bên thứ ba cung cấp dịch vụ xử lý dữ liệu và thực hiện giao dịch, dịch vụ báo cáo, lưu ký, giám sát, quản lý rủi ro và các dịch vụ khác được phép. Khách hàng đồng ý và cho phép VPS tiết lộ thông tin cho bên thứ ba đó trong phạm vi VPS cho là cần thiết trên cơ sở bên thứ ba cũng phải bảo mật thông tin.

The Customer agrees and permits VPS (to the extent it is not forbidden by the laws) to hire a third party providing the service of data processing and exercising the transaction, reporting service, depository, risk management and other permitted services. The Customer agrees and permits VPS to disclose the information to such third party to the extent that VPS deems necessary given that the third party shall also keep the information confidential.

ĐIỀU A13. NGÔN NGỮ VÀ LUẬT ĐIỀU CHỈNH

ARTICLE A13. LANGUAGE AND GOVERNING LAW

- 13.1 Hợp đồng mở TKCK được điều chỉnh và giải thích theo pháp luật Việt Nam.

The SA agreement shall be governed and interpreted by the Vietnamese laws.

- 13.2 Bộ Điều khoản và Điều kiện này và (các) hợp đồng/thỏa thuận có liên quan (bao gồm nhưng không chỉ gồm: Hợp đồng mở TKCK; Giấy đề nghị thay đổi thông tin và đăng ký mở tài khoản bổ sung (nếu có); Giấy đăng ký/thay đổi dịch vụ giao dịch điện tử (nếu có)) được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh. Trường hợp có sự khác biệt về ý nghĩa giữa nội dung tiếng Việt và nội dung tiếng Anh thì nội dung tiếng Việt sẽ được ưu tiên áp dụng.

This T&C and the relevant contract(s)/agreement(s) (including but not limited to: Securities account opening agreement; Application on change of information and supplemental account opening (if any); Application on registration/change of electronic trading service (if any)) are made in Vietnamese and English. In case of any discrepancies or inconsistencies between the English and Vietnamese versions, the Vietnamese version shall prevail.

ĐIỀU A14. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

ARTICLE A14. DISPUTE RESOLUTION

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng mở TKCK sẽ được giải quyết trước hết bằng thương lượng. Nếu tranh chấp không giải quyết được bằng thương lượng trong vòng 30 (ba mươi) ngày từ ngày bắt đầu thương lượng, bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa tranh chấp ra giải quyết tại tòa án có thẩm quyền của Việt Nam.

All disputes arising out of or relating to the SA agreement shall be resolved firstly by negotiation. If the dispute is unable to be resolved by negotiation within 30 (thirty) days from the date when the negotiation started, any party can bring the dispute to the competent court in Vietnam.

PHẦN B: QUY ĐỊNH VỀ ỨNG TRƯỚC TIỀN BÁN CHỨNG KHOÁN

PART B: ADVANCE PAYMENT OF SECURITIES SALE PROCEED REGULATIONS

ĐIỀU B1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

ARTICLE B1. INTERPRETATION

Trong Phần B này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

Within this Part B, the below terms shall mean as follows:

- 1.1 “**Lệnh bán**” là lệnh do Khách hàng lập và gửi cho VPS để bán chứng khoán.

“Sale order” means the order established by the Customer and delivered to VPS to sell securities.

- 1.2 “**Khớp lệnh**” là việc Lệnh Bán được đưa vào hệ thống giao dịch của SGDCX và đã được khớp thành công.

“Order matching” means the Sale order which was put into trading system of the Stock Exchange and was successfully matched.

- 1.3 “**Tiền bán chứng khoán**” là số tiền Khách hàng sẽ được nhận từ việc bán chứng khoán theo Lệnh Bán có liên quan và đã được VPS xác nhận là giao dịch khớp lệnh thành công.

“Securities sale proceed” means the amount the Customer shall receive from the sale of securities under the relevant Sale order and which was confirmed by VPS as successfully matched.

- 1.4 “**Phí ứng trước**” là khoản phí Khách hàng phải trả cho VPS do sử dụng dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán theo biểu phí do VPS quy định trong từng thời kỳ.

“Advance fee” is the fee that the Customer has to pay to VPS for using securities sale proceed advance service in accordance with the fee quote specified by VPS from time to time.

1.5 “Số tiền ứng trước” là số tiền VPS chuyển vào TKCK trên cơ sở yêu cầu ứng trước của Khách hàng.

“Advance amount” means the amount of money VPS transferred to Securities account upon advance payment request by the Customer.

ĐIỀU B2. PHẠM VI ÁP DỤNG

ARTICLE B2. SCOPE OF APPLICATION

Phần B này áp dụng cho việc ứng trước tiền bán chứng khoán trên toàn bộ TKCK (kể cả tài khoản giao dịch chứng khoán thông thường và tài khoản giao dịch chứng khoán ký quỹ (nếu có)).

This Part B applies to the advance of securities sale proceed to all of the Securities account (including the normal securities trading account and margin securities trading account (if any)).

ĐIỀU B3. ĐIỀU KIỆN VÀ CÁCH THỨC THỰC HIỆN

ARTICLE B3. CONDITIONS AND EXERCISING MECHANISM

3.1 Khi đăng ký mở TKCK, Khách hàng mặc định đồng ý sử dụng dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán của VPS. Trên cơ sở yêu cầu của Khách hàng (đã được lập phù hợp), VPS có quyền nhưng không có nghĩa vụ ứng trước tiền bán chứng khoán cho Khách hàng.

Upon registration to open the Securities account, the Customer automatically agree to use securities sale proceed advance service of VPS. Upon the Customer’s request (which was properly established), VPS has the right but not the obligation to advance the securities sale proceed to the Customer.

3.2 VPS có thể tự động ứng trước tiền bán chứng khoán trên TKCK nếu Khách hàng có nghĩa vụ tài chính đến hạn với VPS, kể cả nghĩa vụ phải thanh toán trên tài khoản giao dịch chứng khoán ký quỹ (nếu có) hay tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh.

VPS may automatically advance the securities sale proceed into the Securities account if the Customer has the financial obligation to VPS which is already due, including the payment obligation on the securities trading margin account (if any) and the derivative trading account.

3.3 Trong mọi trường hợp, Số tiền ứng trước không vượt quá Tiền bán chứng khoán trừ phí giao dịch, Phí ứng trước, thuế và phí khác theo quy định pháp luật (nếu có).

At all cases, the Advance amount shall not exceed the Securities sale proceed minus the transaction fee, Advance fee, taxes and other expenses in accordance with the regulations of laws (if any).

3.4 Bằng việc gửi yêu cầu ứng trước tiền bán chứng khoán và phụ thuộc vào việc được VPS ứng trước theo yêu cầu đó, Khách hàng chuyển giao vô điều kiện cho VPS quyền nhận Tiền bán chứng khoán có liên quan. VPS được nhận Tiền bán chứng khoán để bù trừ nghĩa vụ Khách hàng hoàn trả cho VPS toàn bộ Số tiền ứng trước và Phí ứng trước.

By delivering the request to advance the securities sale proceed and depending on if VPS actually advance the securities sale proceed following such request, the Customer unconditionally assigns to VPS the right to receive the relevant Securities sale proceed. VPS is entitled to receive the Securities sale proceed to net-off the Customer’s obligation the whole amount of the Advance amount and Advance fee.

ĐIỀU B4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA KHÁCH HÀNG

ARTICLE B4. RIGHTS AND OBLIGATIONS OF THE CUSTOMER

4.1 Khách hàng có quyền gửi yêu cầu ứng trước tiền bán chứng khoán khi đáp ứng điều kiện như đã nêu tại Điều B3.

The Customer is entitled to send the securities sale proceed advance request once he/she satisfy the conditions set out at Article B3.

- 4.2 Khách hàng đồng ý để VPS được tự động khấu trừ tiền từ TKCK để hoàn trả toàn bộ Số tiền ứng trước và Phí ứng trước. Khách hàng cam kết không đưa ra khiếu nại, khiếu kiện về việc VPS khấu trừ tiền từ TKCK như vậy.

The Customer agrees to allow VPS to automatically deduct the amount from the Securities account to repay in full the Advance amount and Advance fee. The Customer undertakes not raising any complaint or claim relating to such deduction from Securities account by VPS.

- 4.3 Nếu kết quả khớp lệnh bị hủy thanh toán theo thông báo của VSD vì bất kỳ lý do nào thì Khách hàng phải hoàn trả lại cho VPS toàn bộ Số tiền ứng trước cùng với phí, lệ phí phát sinh đến thời điểm hoàn trả theo quy định của VPS.

If the payment to the Order matching result was cancelled by VSD's notice for any reason, the Customer must repay in full to VPS the whole Advance amount including the fees which has been arisen until the repayment in accordance with the regulations of VPS.

ĐIỀU B5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA VPS

ARTICLE B5. RIGHTS AND OBLIGATIONS OF VPS

- 5.1 VPS được tự động khấu trừ TKCK để thực hiện nghĩa vụ của Khách hàng liên quan đến việc ứng trước tiền bán chứng khoán mà không cần có lệnh hay chấp thuận của Khách hàng.

VPS is entitled to automatically deduct from the Securities account to enforce the obligation of the Customer relating to the advance of securities sale proceed without needing neither an order or an approval from the Customer.

- 5.2 VPS được đơn phương ngưng cung cấp dịch vụ cho Khách hàng nếu VPS xét thấy việc cung cấp dịch vụ có thể gây rủi ro, tổn thất cho VPS hoặc việc cung cấp dịch vụ không phù hợp với chính sách, điều kiện hoạt động của VPS.

VPS is entitled to unilaterally suspend the provision of service to the Customer if VPS assesses that the provision of service may create risks or losses to VPS or the provision of service does not comply with the policy and operation conditions of VPS.

ĐIỀU B6. QUY ĐỊNH KHÁC

ARTICLE B6. OTHER PROVISIONS

Tùy từng thời kỳ, dịch vụ ứng trước tiền bán chứng khoán có thể thực hiện qua nguồn của VPS hoặc bên thứ ba. Khách hàng đồng ý rằng nếu việc ứng trước thực hiện qua nguồn của bên thứ ba, ngoài việc tuân thủ Phần B này, Khách hàng cũng sẽ tuân thủ quy định của bên thứ ba đó về việc ứng trước tiền bán chứng khoán.

From time to time, the securities sale proceed advance service can be conducted by VPS's sources or third-parties'. The Customer agrees that if such advance was conducted via a third party's source, other than complying this part B, the Customer shall also comply with the terms of such third party relating to the advance of securities sale proceed.

PHẦN C: THỎA THUẬN GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ **PART C: ELECTRONIC TRANSACTIONS AGREEMENT**

ĐIỀU C1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ

ARTICLE C1. DEFINITIONS

Trong Phần C này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

In this Part C, the following terms shall have the following meanings:

- 1.1 **Chấp thuận điện tử:** Là chấp thuận, phê duyệt, cho phép, đồng ý hoặc tương đương do Khách hàng lập và gửi qua Hệ thống giao dịch điện tử, từ Số điện thoại hoặc từ Thư điện tử. Chấp thuận điện tử có thể được thể hiện bằng lời nói và được Khách hàng lập bằng việc gọi điện đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại (có ghi âm).

Electronic approval: means an approval, acceptance, permission, agreement or equivalent content established and delivered by the Customer via the Electronic trading system, from TelePhone number or from Email. Electronic approvals shall be expressed verbally and established by the Customer by calling the Call Center (with audio).

- 1.2 **Chữ ký số:** Là chữ ký số (hay còn gọi là chữ ký điện tử) theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Digital signature: means a digital signature (also known as an electronic signature) in accordance with applicable laws on electronic transactions.

- 1.3 **Hệ thống giao dịch điện tử:** Là tập hợp các Ứng dụng thiết bị điện tử, Webtrade, Tổng đài giao dịch qua điện thoại và hệ thống khác được VPS sử dụng để cho phép Khách hàng truy cập vào TKCK và thực hiện các Thao tác/giao dịch trên hệ thống thông qua mạng Internet hoặc qua điện thoại.

Electronic trading system: means a collection of Digital applications, Webtrade, Call center and other systems used by VPS to allow Customer to access the Securities account and perform System transactions/activities via the Internet or by phone.

- 1.4 **Mật khẩu:** Là tên truy cập (user), tên định danh (identification), mật khẩu dùng nhiều lần, mật khẩu dùng một lần (one-time password - OTP), khóa token (token key), mã xác thực (authentication code), mã PIN (personal identification number), đặc điểm sinh trắc học (vân tay, móng mắt hay khuôn mặt) và phương thức/thông điệp xác thực khác cấp cho Khách hàng hoặc Khách hàng tạo, chọn hay đăng ký sử dụng liên quan đến TKCK.

Password: means an user, identification, reusable password, one-time password (OTP), token key, authentication code, PIN (personal identification number), biometric feature (fingerprint, iris or face) and other authentication methods/messages provided to the Customer or created, selected/registered by the Customer in relation to the Securities account.

- 1.5 **Webtrade:** Là phần của trang thông tin điện tử của VPS mà Khách hàng có thể truy cập vào TKCK để thực hiện một số hoặc tất cả Thao tác/giao dịch trên hệ thống.

Webtrade: means a part of VPS's website which the Customer can access to the Securities accounts to perform some or all System transactions/activities.

- 1.6 **Hợp đồng điện tử:** Là hợp đồng, thỏa thuận, cam kết, bản ghi nhớ, phụ lục hợp đồng hoặc tương đương được thể hiện dưới hình thức trao đổi dữ liệu điện tử và được ký, ký kết và chuyên giao thông qua Hệ thống giao dịch điện tử (trừ Tổng đài giao dịch qua điện thoại).

Digital contract: means a contract, agreement, commitment, memorandum, contract addendum or other equivalent document that is expressed in the form of electronic data interchange and is signed, concluded and transferred via the Electronic trading system (except for transactions via Call center).

- 1.7 **Lệnh điện tử:** Là lệnh do Khách hàng lập gửi qua Hệ thống giao dịch điện tử. Lệnh điện tử có thể được thể hiện bằng lời nói và được Khách hàng lập bằng việc gọi điện đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại (có ghi âm). Lệnh điện tử có thể được thể hiện qua một thao tác hoặc chuỗi thao tác trên Hệ thống giao dịch điện tử (ví dụ lệnh chuyển tiền có thể được thiết lập trên cơ sở thao tác chuyển tiền trên TKCK).

Electronic order: means an order established and delivered by Customer via the Electronic trading system. Electronic orders shall be expressed verbally and established by the Customer by calling the

Call Center (with audio). Electronic orders shall be expressed by an activity or sequence of activities on the Electronic trading system (for example, wire transfer orders shall be set up on the basis of money transfer operations on Securities account).

1.8 Thao tác/giao dịch trên hệ thống gồm:

System transactions/activities includes:

- (a) Truy cập, xem và kiểm tra thông tin và các thao tác khác trên TKCK;
Access, view and check information and other activities on the Securities account;
- (b) Gửi, nhận, xem và đọc Thông điệp dữ liệu;
Deliver, receive, view and review Data messages;
- (c) Tạo lập và/hoặc gửi/xác nhận Lệnh điện tử;
Establish and/or deliver/confirm Electronic orders;
- (d) Tạo lập và/hoặc gửi/xác nhận Chấp thuận điện tử;
Establish and/or delivered /confirm Electronic approvals;
- (e) Xem, từ chối hay ký kết Hợp đồng điện tử; và
View, refuse or enter into a Digital contract; and
- (f) Các thao tác khác có trên Hệ thống giao dịch điện tử.
Other activities on Electronic trading system.

1.9 Thông điệp dữ liệu: Là thông tin liên lạc, thông báo, báo cáo danh mục, báo cáo đầu tư, báo cáo phân tích, báo cáo thuộc loại khác, sao kê tài khoản, sao kê giao dịch, bản công bố thông tin, báo cáo bạch, tuyên bố và thông điệp thuộc loại khác dưới dạng thông điệp dữ liệu (điện tử) được gửi qua Hệ thống giao dịch điện tử, qua điện thoại hoặc tin nhắn (SMS) đến Số điện thoại và/hoặc qua Thư điện tử.

Data message: means a communication, announcement, portfolio report, investment report, analysis report, report of other types, account statement, transaction statement, information disclosure, prospectus and statement and message of other types in the form of electronic data messages sent via the Electronic trading system, by phone or text (SMS) to Phone number and/or by Email.

1.10 Tổng đài giao dịch qua điện thoại: Là hệ thống tổng đài điện thoại có chức năng ghi âm, quản lý, tra cứu cuộc gọi và có dự phòng của VPS.

Call center: means a telephone exchange system of VPS that has call recording, management, search and back up functions.

1.11 Ứng dụng thiết bị điện tử: Là ứng dụng (application), phần mềm (software) do VPS hoặc đối tác của VPS sở hữu hoặc được cấp quyền sử dụng và phát hành trên website của VPS, Google Play Store, App Store hoặc kho ứng dụng/phần mềm khác để Khách hàng tải về và cài đặt trên điện thoại, máy tính (computer) hay thiết bị điện tử khác nhằm truy cập vào TKCK và thực hiện một số hoặc tất cả Thao tác/giao dịch trên hệ thống thông qua mạng Internet.

Digital applications: mean an application or a software owned by VPS or VPS partner (or licensed to use) and published on the website of VPS, Google Play Store, App Store or any other application store/software stores are established for the purpose of downloading and installing by the Customer on phones, computers or other electronic devices in order to access the Securities accounts and perform some or all System transactions/activities via the Internet.

ĐIỀU C2. ĐỐI TƯỢNG ĐIỀU CHỈNH

ARTICLE C2. SCOPE OF THE AGREEMENT

Phần C này điều chỉnh việc Khách hàng sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử để (i) nhận, đọc và gửi Thông điệp dữ liệu; (ii) đưa ra và gửi Lệnh điện tử; (iii) đưa ra và gửi Chấp thuận điện tử; (iv) ký kết và chuyển giao Hợp đồng điện tử và (v) thực hiện các Thao tác/giao dịch trên hệ thống khác. Phần C này cũng điều chỉnh việc sử dụng Số điện thoại và Thư điện tử cho một số mục đích nhất định.

This Part C sets out the principles that apply to Customer's utilization of the Electronic trading system to: (i) receive, read and deliver Data messages; (ii) issue and submit Electronic orders; (iii) issue and submit Electronic approvals; (iv) execute and assign Digital contract; and (v) perform other System transactions/activities. This Part C also governs the manner of using Phone numbers and Email for certain purposes.

ĐIỀU C3. QUAN HỆ VỚI THỎA THUẬN KHÁC

ARTICLE C3. RELATIONSHIP TO OTHER AGREEMENTS

Phần C này bổ sung cho các hợp đồng, thỏa thuận khác giữa VPS và Khách hàng trong phạm vi liên quan đến đối tượng điều chỉnh của Phần C này. Nếu có sự không thống nhất giữa Phần C này và bất kỳ hợp đồng, thỏa thuận nào liên quan đến đối tượng điều chỉnh của Phần C này thì Phần C này sẽ được ưu tiên áp dụng.

This Part C complements other contracts, agreements between VPS and the Customer within the scope of the object governed by this Part C. If there is any inconsistency between this Part C and any other contract, agreement related to the scope of the agreement of this Part C, this Part C will prevail.

ĐIỀU C4. HỆ THỐNG GIAO DỊCH ĐIỆN TỬ

ARTICLE C4. ELECTRONIC TRADING SYSTEM

4.1 Ứng dụng thiết bị điện tử, Hệ Thống Website, Tổng đài giao dịch qua điện thoại hay hệ thống khác thuộc Hệ thống giao dịch điện tử sẽ là ứng dụng, phần mềm hay hệ thống được VPS công bố công khai trên trang thông tin điện tử của mình hoặc theo cách khác trong từng thời kỳ hoặc được ghi trên Hợp đồng mở TKCK.

Digital applications, Website system, Call center or other system of the Electronic trading system shall be the application, software or system publicly announced on VPS's website or announced in other methods from time to time or stated in the SA agreement.

4.2 Khi tải và cài đặt Ứng dụng thiết bị điện tử, Website hay sử dụng hệ thống khác thuộc Hệ thống giao dịch điện tử và thực hiện việc truy cập vào TKCK, Khách hàng mặc nhiên chấp nhận việc sử dụng ứng dụng, phần mềm hay hệ thống đó như là một phần của Hệ thống giao dịch điện tử cho các mục đích được quy định trong Phần C này.

When downloading and installing the Digital applications, Website or using other systems of the Electronic trading system and accessing the Securities account, the Customer automatically accepts that such application, software is a part of the Electronic Trading System used for the purposes set out in this Part C.

4.3 Trừ khi các bên có thỏa thuận khác trong phần khác của Hợp đồng mở TKCK, bằng Phần C này, Khách hàng đồng ý sử dụng Tổng đài giao dịch qua điện thoại để đặt/gửi một số Lệnh điện tử và Chấp thuận điện tử và thực hiện một số Thao tác/giao dịch trên hệ thống giới hạn khác liên quan đến TKCK. Trừ trường hợp được VPS đồng ý khác đi, mọi Thao tác/giao dịch trên hệ thống của Khách hàng qua Tổng đài giao dịch qua điện thoại phải được thực hiện từ Số điện thoại.

Unless otherwise agreed by the parties in the other part of the SA agreement, under this Part C, the Customer agrees to use the Call center to place/deliver a number of Electronic orders and Electronic approvals and execute some other limited System transactions/activities related to the Securities

account. All Customer's System transactions/activities via the Call center must be performed from the Phone number, unless otherwise agreed by VPS.

- 4.4 Khi Khách hàng lựa chọn bất kỳ phím/nút chức năng trên Hệ thống giao dịch điện tử, Khách hàng được coi là đã thể hiện ý chí của mình theo nội dung hiển thị trên phím/nút đó và chấp nhận sự ràng buộc bởi lựa chọn đó. Ví dụ, nếu Khách hàng lựa chọn phím “Đồng ý” (hay “Agree”), “Ký” (hay “Sign”) hoặc “Xác nhận” (hay “Confirm”) ngay bên dưới một Hợp đồng điện tử thì Khách hàng được coi là đã ký kết Hợp đồng điện tử đó. Khách hàng cũng bị ràng buộc bởi bất kỳ thao tác nào khác mà Khách hàng thực hiện trên Hệ thống giao dịch điện tử, kể cả đặt/gửi Lệnh điện tử bằng cách gọi điện đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại.

When the Customer chooses any function key/button on the Electronic trading system, the Customer is deemed to express its will according to the content displayed on that key/button and accepted to be bound by that option. For example, if the Customer chooses the “Đồng ý” (or “Agree”), “Ký” (or “Sign”) or “Xác nhận” (or “Confirm”) button directly below an Digital contract, then the Customer is deemed to sign that Digital contract. The Customer is also bound by any other actions performed by the Customer on the Electronic trading system, including placing/giving an Electronic order by calling the Call center.

ĐIỀU C5. NHẬN VÀ GỬI THÔNG TIN

ARTICLE C5. RECEIVING AND SENDING INFORMATION

5.1 Nhận Thông Tin

Receiving Information

- (a) Mọi Thông điệp dữ liệu từ VPS hoặc từ tổ chức/cá nhân khác thông qua VPS sẽ được coi là gửi hợp lệ cho Khách hàng nếu được gửi theo một trong các phương thức sau:

All Data messages from VPS or from other organizations/individuals via VPS shall be considered validly sent to the Customer if those messages are sent by one of the following methods:

- (i) Gửi qua Hệ thống giao dịch điện tử đến địa chỉ là tên truy cập TKCK (trong trường hợp này, thời điểm Khách hàng nhận được Thông điệp dữ liệu là thời điểm ghi nhận trong Hệ thống giao dịch điện tử); hoặc

Send via the Electronic trading system to the address of the Securities account access (in this case, the time when the Customer receives the Data message shall be the time recorded by the Electronic trading system); or

- (ii) Gửi đến Thư điện tử (trong trường hợp này, thời điểm Khách hàng nhận được Thông điệp dữ liệu là khi thư có liên quan được gửi vào đúng địa chỉ Thư điện tử và thư gửi đã được lưu vào mục “Thư đi” (Sent) trong hòm thư của người gửi và trong vòng 24h kể từ thời điểm thư đó được lưu, người gửi không nhận được thông báo tự động nào về việc thư đó không được gửi thành công).

Send to Email (in this case, the Customer is deemed to receive the Data message when the relevant email was sent to the correct email of the recipient and the email was recorded in the folder “Sent” in the mailbox of the sender and within 24h from the moment that such email was recorded, the sender did not receive any automatic notification stating that such email was not successfully delivered).

- (b) Mật khẩu mà VPS cấp cho Khách hàng để thực hiện Thao tác/giao dịch trên hệ thống cũng có thể được gửi cho Khách hàng theo một trong các phương thức trên.

The password that VPS provides to the Customer to perform System transactions/activities may also be given to the Customer by one of the above methods.

- (c) VPS cũng có thể gửi thông báo cho Khách hàng bằng cách gọi điện đến Số điện thoại và có ghi âm. Thời điểm Khách hàng nhận được thông báo là khi cuộc gọi kết thúc. Nếu thông báo đã được truyền tải bằng cách gọi điện phải được lập bằng văn bản (theo thỏa thuận hoặc theo yêu cầu của pháp luật) thì sau khi gọi điện, VPS phải gửi Thông điệp dữ liệu chứa thông báo đó theo một trong các phương thức trên đây để Khách hàng lưu giữ.

VPS can also send notices to the Customer by calling the Phone number and recording the call. The Customer is deemed to receive notification when the call is ended. If the notice has been transmitted by phone call must be made in writing (as agreed or required by law), then after the call, VPS must send a Data message containing that notice by one of the above methods to the Customer for retention purposes.

5.2 Xem Và Đọc Thông Tin

Viewing And Reading Information

Khách hàng có thể xem và đọc Thông điệp dữ liệu hiển thị trên Hệ thống giao dịch điện tử thay cho việc VPS cung cấp tài liệu in trực tiếp để Khách hàng xem và đọc. Việc Khách hàng xem và đọc Thông điệp dữ liệu hiển thị trên Hệ thống giao dịch điện tử như vậy có giá trị pháp lý như việc VPS cung cấp tài liệu in trực tiếp cho Khách hàng (trừ khi có sai sót trong nội dung hiển thị do lỗi kỹ thuật).

The Customer can view and read Data messages displayed on the Electronic trading system instead of being provided printed documents directly by VPS. This action of the Customer viewing and reading the Data Messages displayed on the Electronic trading system shall have the same legal validity as VPS providing printed documents directly to the Customer (unless there is an error in the displayed content due to a technical error).

5.3 Gửi Thông Tin

Sending Information

Khách hàng có thể gửi Thông điệp dữ liệu cho VPS hay cho tổ chức/cá nhân khác thông qua VPS qua Hệ thống giao dịch điện tử (trừ Tổng đài giao dịch qua điện thoại). Thời điểm Khách hàng gửi đi là thời điểm được ghi nhận trong Hệ thống giao dịch điện tử.

Customers can send Data messages to VPS or to other organizations/individuals via VPS using the Electronic trading system (except Call center). The time when the Data messages are sent shall be the time recorded by the Electronic trading system.

5.4 Giá Trị Của Thông Tin

Value Of Information

- (a) Thông tin trong Thông điệp dữ liệu không bị phủ nhận giá trị pháp lý chỉ vì thông tin đó được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu;

Information in a Data message cannot be denied its legal validity for the only reason that such information is expressed in the form of a data message;

- (b) Trường hợp pháp luật hay hợp đồng/thỏa thuận của các bên yêu cầu thông tin phải được thể hiện bằng văn bản thì Thông điệp dữ liệu được xem là đáp ứng yêu cầu này;

In case information is required by law or by the parties' contract/agreement to be expressed in writing, so the Data message are deemed to meet this requirement;

- (c) Thông điệp dữ liệu có giá trị như bản gốc; và

A Data message shall have the same validity as the original; and

- (d) Thông điệp dữ liệu có giá trị làm chứng cứ và giá trị này không thể bị phủ nhận chỉ vì đó là một thông điệp dữ liệu.

A Data message is valuable as evidence and this value cannot be denied for the only reason that it is a data message.

ĐIỀU C6. GIAO KẾT, CHUYỂN GIAO VÀ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG ĐIỆN TỬ

ARTICLE C6. DIGITAL CONTRACT'S CONCLUSION, TRANSFERENCE AND EXECUTION

- 6.1 Hợp đồng điện tử có thể được ký kết trên Hệ thống giao dịch điện tử theo các thao tác ghi trên đó. Việc ký kết Hợp đồng điện tử qua Hệ thống giao dịch điện tử phải được xác thực theo quy định tại Điều C8.

Digital contracts can be executed by using Electronic trading system via following the system's transactions/activities. Aforesaid signing must be verified in accordance with Article C8.

- 6.2 Hợp đồng điện tử có thể được ký bằng Chữ ký số của một bên và Hợp đồng điện tử đã ký bằng Chữ ký số được coi là được chuyển giao hợp lệ nếu được gửi theo một trong các phương thức quy định tại Điều C5.

Digital contracts can be signed using digital signatures of one of the Parties. The transference of digital contracts signed by digital signatures is considered legitimate if sent by one of the methods specified in Article C5.

- 6.3 Việc ký kết Hợp đồng điện tử có thể theo một trong các hình thức sau:

The signing of digital contract can be conducted in one of the following forms:

- (a) Ký kết toàn văn: Toàn văn Hợp đồng điện tử được hiển thị trên Hệ thống giao dịch điện tử và mỗi bên ký bằng thao tác chọn phím/nút chức năng trên Hệ thống giao dịch điện tử;

Signing the whole document: The Digital contract shall be displayed entirely on the Electronic Trading System. Each Party signs by selecting the corresponding function key/button on the system's interface.

- (b) Ký chấp nhận: Một bên gửi đề nghị giao kết hợp đồng và bên kia ký chấp nhận giao kết hợp đồng cũng bằng thao tác chọn phím/nút chức năng trên Hệ thống giao dịch điện tử hoặc bằng việc không phản đối đề nghị giao kết trong thời hạn nêu tại đề nghị giao kết; hoặc

Signing for approval: One Party sends out the offer for digital contract's execution and the other Party signs off the contract by selecting the corresponding function key/button on the Electronic trading system; or by not objecting to the contract's execution offer within the limited time set out in the offer; or by

- (c) Hình thức khác được các bên thỏa thuận hoặc có sẵn trên Hệ thống giao dịch điện tử.

Other forms as agreed upon by the Parties or available on the Electronic trading system.

- 6.4 Thời điểm một bên ký kết Hợp đồng điện tử sẽ là thời điểm ghi nhận trên Hệ thống giao dịch điện tử hoặc hệ thống khác của VPS.

The digital contract sign-off time of one Party will be the time recorded on the Electronic trading system or on other systems of VPS.

- 6.5 Hợp đồng điện tử được ký kết theo Điều C6 này có giá trị pháp lý đầy đủ và ràng buộc các bên ký kết như một hợp đồng, thỏa thuận được ký kết theo phương thức ký trực tiếp truyền thống. Giá trị pháp lý của Hợp đồng điện tử không thể bị phủ nhận chỉ vì hợp đồng đó được thể hiện dưới dạng thông điệp dữ liệu.

The digital contracts signed in accordance with Article C6 has full validity and binds the signing Parties identical with a contract which is executed using the traditional method of direct signing. The validity of a digital contract cannot be denied for the only reason that the contract is expressed in the form of data messages.

ĐIỀU C7. ĐẶT LỆNH VÀ GỬI CHẤP THUẬN ĐIỆN TỬ

ARTICLE C7. PLACING ORDER AND SENDING ELECTRONIC APPROVAL

- 7.1 Khách hàng có thể đặt lệnh điện tử và gửi chấp thuận điện tử qua Hệ thống giao dịch điện tử. Thời điểm Khách hàng đặt lệnh điện tử hay gửi chấp thuận điện tử là thời điểm được ghi nhận trong Hệ thống giao dịch điện tử.

The Customer can place an Electronic order and send Electronic approval through the Electronic trading system. The time of placing Electronic order or sending Electronic approval is the recorded time on the Electronic trading system.

- 7.2 Khách hàng có thể đặt/gửi lệnh điện tử hay gửi chấp thuận điện tử bằng cách gọi từ Số điện thoại đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại. Mọi cuộc gọi của Khách hàng đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại sẽ được ghi âm lưu trữ đầy đủ, đảm bảo an ninh thông tin và bảo mật dữ liệu. Nếu có yêu cầu của VPS hay pháp luật, sau khi gọi điện đến Tổng đài giao dịch qua điện thoại, Khách hàng phải gửi lệnh, văn bản chấp thuận được ký bằng tay hoặc lệnh điện tử, chấp thuận điện tử được đặt/gửi theo phương thức khác chứa đựng lệnh điện tử, chấp thuận điện tử được đặt hay đưa ra trong cuộc gọi.

The Customer can place/send an Electronic order or Electronic approval using Phone number to contact the Call center. All Customers' phone calls to the Call center will be utterly recorded and stored, ensuring information security and data confidentiality. If requested by VPS or related law, after calling the Call center via phone, the Customer is required to either send the order plus approval documents with hand-signed signature or send an Electronic order and Electronic approval which are placed/sent by other methods, containing the previous Electronic order and Electronic approval made through phone call.

- 7.3 Nếu Khách hàng đăng ký và được VPS chấp thuận (hoặc các bên có thỏa thuận), Khách hàng có thể đặt/gửi lệnh điện tử hay gửi chấp thuận điện tử từ Thư điện tử.

The Customer can register and after being approved by VPS (or otherwise agreed by the parties), placing/sending Electronic order or Electronic approval can be performed using Email.

- 7.4 VPS chỉ phải thực hiện lệnh điện tử hay chấp thuận điện tử được gửi hợp lệ từ Khách hàng sau khi thực hiện giải pháp xác thực quy định tại Điều C8 dưới đây.

VPS solely responsible for executing Electronic order or Electronic approval validly sent by the Customer after implementing the authentication solution specified in Article C8 below.

- 7.5 Lệnh điện tử hay chấp thuận điện tử chỉ có giá trị nếu có đủ thông tin cần thiết theo yêu cầu của pháp luật và VPS.

Electronic order or Electronic approval are only valid if containing sufficient information required by both the regulations of laws and VPS.

- 7.6 Khách hàng đồng ý rằng việc gửi lệnh điện tử hay chấp thuận điện tử có thể cấu thành giao kết Hợp đồng điện tử với VPS hay đối tác có liên quan.

The Customer agrees that sending an Electronic order or Electronic approval will constitute a conclusion of a Digital contract with VPS or related partners.

- 7.7 Khách hàng đồng ý rõ ràng rằng khi lệnh điện tử hay chấp thuận điện tử được đặt, gửi và chuyển cho VPS phù hợp với Điều C7 này:

The Customer agrees that when an Electronic order or Electronic approval is placed, sent and delivered to VPS in accordance with Article C7, then:

- (a) **Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó có giá trị pháp lý và ràng buộc đầy đủ đối với Khách hàng;**

Electronic order or Electronic approval mentioned has full validity and binding with the Customer;

- (b) **VPS được hành động theo Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó (Khách hàng ủy quyền cho VPS toàn quyền thực hiện toàn bộ các giao dịch cần thiết, lập, ký thay các hợp đồng, thỏa thuận, phiếu lệnh hoặc các hóa đơn, chứng từ và các giấy tờ khác có liên quan trên TKCK của Khách hàng nhằm hành động theo Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử nêu trên; VPS sẽ hoàn thành việc lập, ký thay các hồ sơ, chứng từ có liên quan nêu trên trong vòng 03 (ba) ngày giao dịch từ ngày Khách hàng đặt Lệnh điện tử hay gửi Chấp thuận điện tử);**

VPS can act accordingly to the Electronic order or Electronic approval (Customer grants VPS the complete authorization to exercise necessary transactions; establish and sign contracts, agreements, orders or invoices, vouchers and other documents related to the Customer's Securities account; in order to execute the mentioned Electronic order or Electronic approval. VPS will complete making, signing on behalf of the Customer all prior relevant documents in no latter than 3 (three) Trading days from the date the Customer places the Electronic order or sends the Electronic approval);

- (c) **Nếu VPS nhận được bất kỳ phiếu lệnh hay văn bản nào từ Khách hàng theo phương thức khác (ví dụ nộp trực tiếp) mà có nội dung khác với Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đã được gửi trước đó thì VPS vẫn được hành động theo Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử trừ khi VPS và Khách hàng đã thống nhất được việc hủy Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó; và**

If VPS receives any orders or documents from Customer in another manner (for example, direct submission) that has different content from the Electronic order or Electronic approval that has been sent previously, VPS may act in accordance with the Electronic order or the Electronic approval unless VPS and Customer have agreed to cancel this Electronic order or Electronic approval; and

- (d) **VPS không phải chịu trách nhiệm với Khách hàng về bất kỳ hành động hay không hành động nào mà VPS thực hiện theo Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó (kể cả hành động chuyển tiền, bán chứng khoán mà VPS tiến hành dựa trên Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử đó).**

VPS is not responsible to the Customer for any action or inaction that has taken in accordance with the Electronic order or Electronic approval (including money transfer, sale of securities that VPS conducts based on the Electronic order or the Electronic approval).

ĐIỀU C8. QUY ĐỊNH VỀ XÁC THỰC

ARTICLE C8. REGULATIONS ON AUTHENTICATION

- 8.1 **Đối với việc giao kết Hợp đồng điện tử hay chấp nhận Lệnh điện tử/Chấp thuận điện tử, VPS sẽ áp dụng giải pháp xác thực có độ an toàn tối thiểu tương đương giải pháp xác thực hai yếu tố trở lên.**

In related to the execution of Digital contract or the acceptance of Electronic order/Electronic approval, VPS shall apply an authentication solution with the minimum of security equivalent to two or more validated elements.

- 8.2 **Khách hàng phải lựa chọn giải pháp xác thực do VPS cung cấp khi mở TKCK có liên quan và đăng ký sử dụng dịch vụ giao dịch chứng khoán trực tuyến/điện tử và được đăng ký lại giải pháp xác thực**

khi có nhu cầu. Nếu Khách hàng không đăng ký thì VPS được ấn định giải pháp xác thực áp dụng cho Khách hàng.

The Customer is required to decide an authentication method provided by VPS when opening a Securities account and registering for the online securities trading service. The Customer can re-register authentication solution on demand. In case the Customer makes no registration, VPS has the right to assign an authentication solution for the Customer.

- 8.3 Hợp đồng điện tử chỉ được coi là giao kết bởi Khách hàng một khi được Khách hàng ký kết phù hợp với Điều C6 và tất cả thông tin do Khách hàng cung cấp theo giải pháp xác thực nêu trên đã được so khớp với thông tin Khách hàng đã đăng ký và lưu trong Hệ thống giao dịch điện tử hoặc thông tin được khởi tạo bởi Hệ thống giao dịch điện tử (áp dụng đối với thông tin xác thực là thông tin được khởi tạo bởi Hệ thống giao dịch điện tử và gửi cho Khách hàng như mật khẩu sử dụng một lần (OTP) hay mã xác nhận (authentication code)). Quy định này cũng áp dụng tương tự cho việc gửi và thực hiện Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử.

Digital contract shall only be considered as successfully execution once the Customer finished signing such contract in accordance with Article C6 and the required information, according to the authentication solution, is fully provided and matches with the Customer's registered information that stored in the Electronic trading system, or the information generated by such system (applicable only to authentication information which is generated by the Electronic trading system and send to the Customer, for example, an one-time password (OTP) or authentication code). This term also applicable for the sending and execution of Electronic orders or Electronic approvals.

- 8.4 Trừ trường hợp pháp luật có yêu cầu rõ ràng, việc xác thực không áp dụng đối với Thông điệp dữ liệu.

Unless otherwise required clearly by law, authentication does not apply to Data messages.

ĐIỀU C9. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

ARTICLE C9. RIGHTS AND OBLIGATIONS OF THE PARTIES

9.1 Quyền Và Nghĩa Vụ Của VPS

VPS's Rights And Obligations

- (a) VPS có trách nhiệm xây dựng Hệ thống giao dịch điện tử đáp ứng được yêu cầu của pháp luật để thực hiện giao dịch điện tử, giao dịch chứng khoán trực tuyến.

VPS is responsible for setting up the Electronic trading system that satisfies the requirements of law to perform electronic transactions and online securities transactions.

- (b) VPS phải lưu trữ thông tin, dữ liệu, văn bản, tài liệu liên quan đến Khách hàng (kể cả Thông điệp dữ liệu, Lệnh điện tử, Chấp thuận điện tử và Hợp đồng điện tử) theo đúng yêu cầu của pháp luật.

VPS is responsible for storing the information, data and documents related to the Customer (including information about Data messages, Electronic orders, Electronic approvals and Digital contracts) in accordance with the regulations of laws.

- (c) VPS có toàn quyền bổ sung, xóa bớt tính năng, điều chỉnh giao diện, thay đổi cấu trúc hoặc thực hiện bất kỳ điều chỉnh/thay đổi nào khác đối với Hệ thống giao dịch điện tử mà không cần thông báo cho Khách hàng (trừ trường hợp pháp luật yêu cầu phải thông báo) (trong trường hợp này, bằng việc tiếp tục sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử đã được điều chỉnh/thay đổi như vậy, Khách hàng được coi là chấp nhận toàn bộ thay đổi/điều chỉnh đó).

VPS reserves the right to add, remove features, adjust the interface, change the structure or make any other adjustments/changes to the Electronic trading system without notice to the

Customer (except for the case being provided otherwise by the laws) (in this case, by continuing to use such amended/changed Electronic trading system, the Customer is deemed to accept that entire change/adjust).

- (d) VPS được thu phí cung cấp dịch vụ giao dịch điện tử qua Hệ thống giao dịch điện tử theo mức phí công khai trên trang thông tin điện tử của mình.

VPS is entitled to collect fees for the provision of electronic trading service via the Electronic trading system according to the fee rates published on its website.

- (e) VPS không chịu trách nhiệm đối với Khách hàng về bất kỳ tổn thất, thiệt hại, chi phí, phí tổn hay trách nhiệm nào mà Khách hàng phải gánh chịu có liên quan đến Hệ thống giao dịch điện tử mà:

VPS shall not be liable to the Customer for any loss, damage, cost or liability suffered by the Customer in connection with the Electronic trading system that:

- (i) Phát sinh do xảy ra sự kiện bất khả kháng;

Arising out of an force majeure event;

- (ii) Phát sinh do Khách hàng làm lộ Mật Khẩu hoặc thông tin truy cập TKCK; hoặc

Arising out of the Customer's disclosure of Password or Securities account access information; or

- (iii) Phát sinh không do lỗi của VPS đối với Phần C này hoặc pháp luật.

Arising without fault of VPS under the provisions of this Part C or the regulations of laws.

- (f) VPS cũng được miễn trách nhiệm đối với Khách hàng đối với bất kỳ tổn thất, thiệt hại, chi phí, phí tổn hay trách nhiệm nào mà Khách hàng phải gánh chịu có liên quan đến Hệ thống giao dịch điện tử do Thao tác/giao dịch trên hệ thống của Khách hàng bị sai sót, bị gián đoạn, bị cản trở hoặc bị chậm trễ do:

VPS also not be liable to the Customer for any loss, damage, cost or liability suffered by the Customer in connection with the Electronic trading system due to any Customer's System transactions/activities which is erroneous, interrupted, obstructed or delayed arising from:

- (i) Hệ thống xử lý, hệ thống đường truyền của VPS gặp trục trặc hay sự cố kỹ thuật;

any malfunction or technical problem of VPS's processing system/transmission line;

- (ii) Hệ thống thông tin liên lạc, đặt lệnh, chỉ thị và thực hiện lệnh, chỉ thị giữa Khách hàng và VPS bị lỗi, bị gián đoạn hoặc bị tạm dừng hoạt động;

any errors, interruptions or suspensions of the communication, placing and executing order/instruction system between the Customer and VPS;

- (iii) Hệ thống thông tin liên lạc, đặt lệnh, chỉ thị và thực hiện lệnh, chỉ thị giữa VPS và bất kỳ bên thứ ba nào (kể cả SGDCK hay VSD) bị lỗi, bị gián đoạn hoặc bị tạm dừng hoạt động;

any errors, interruptions or suspensions of the communication, placing and executing order/instruction system between VPS and any other third party (including the Stock Exchange or VSD);

- (iv) VPS phải thực hiện thêm việc xác thực/kiểm tra khi có bằng chứng hoặc lý do khác để nghi ngờ Thao tác/giao dịch trên hệ thống đó không do chính khách hàng thực hiện;

VPS having to perform additional authentication/verification when there is evidence or other reasons to suspect that such System transactions/activities are not performed by the Customer themselves;

- (v) Việc xác thực không thành công; hoặc
failed authentication; or
- (vi) Theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.
the request by the competent State authority.

- (g) VPS có quyền gửi tin nhắn hoặc gọi điện đến Số điện thoại hoặc gửi thư đến Thư điện tử.

VPS has the right to send messages or make phone calls to Phone number or send mail to Email.

- (h) VPS không đưa ra bất kỳ cam đoan hay cam kết nào về (i) sự chính xác, đầy đủ hay kịp thời của Hệ thống giao dịch điện tử hoặc (ii) khả năng không bị gián đoạn hay mắc lỗi của Hệ thống giao dịch điện tử.

VPS shall make no representations or warranties regarding: (i) the accuracy, completeness or timeliness of the Electronic trading system; or (ii) the ability of the Electronic trading system to be uninterrupted or error-free.

- (i) VPS có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Phần C này, các hợp đồng/thỏa thuận khác ký với Khách hàng và theo quy định của pháp luật Việt Nam.

VPS has other rights and obligations stipulated in this Part C, in other contracts/ agreements signed with the Customer and in accordance with the laws of Vietnam.

9.2 Quyền Và Nghĩa Vụ Của Khách hàng

VPS's Rights And Obligations

- (a) Khách hàng được cấp quyền sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử sau khi đã cài đặt và chấp thuận các điều khoản và điều kiện áp dụng cho ứng dụng, phần mềm hay hệ thống tương ứng (quyền sử dụng của Khách hàng là không độc quyền, không được chuyển giao và có thể bị rút lại theo toàn quyền quyết định của VPS).

The Customer is entitled to use the Electronic trading system after installing and accepting the terms and conditions applicable to the corresponding application, software or system (This Customer's right to use is non-exclusive, non-transferable and may be revoked at the discretion of VPS).

- (b) Khách hàng có trách nhiệm quản lý, theo dõi, kiểm soát và sử dụng TKCK và bảo đảm sự chính xác của Thông điệp dữ liệu, Lệnh điện tử và Chấp thuận điện tử gửi qua Hệ thống giao dịch điện tử.

The Customer is responsible for managing, monitoring, controlling and using the Securities account and ensuring the accuracy of Data messages, Electronic orders and Electronic approvals sent via the Electronic trading system.

- (c) Khách hàng không được sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử để thực hiện giao dịch trái pháp luật.

The Customer is not allowed to use the Electronic trading system to make illegal transactions.

- (d) Khách hàng phải sử dụng thiết bị điện tử có hệ điều hành tương thích để cài đặt và sử dụng Ứng dụng thiết bị điện tử; Khách hàng có trách nhiệm cài đặt các phần mềm chống virus có uy tín trên các thiết bị điện tử này.

The Customer have to use electronic devices with compatible operating systems to install and use the Digital application; The Customer is responsible for installing reputable antivirus software on these electronic devices.

- (e) Khách hàng không được phát tán virus, sử dụng hay phát tán phần mềm độc hại hay thực hiện bất kỳ hành vi nào phá hoại Hệ thống giao dịch điện tử.

The Customer is not allowed to distribute viruses, use or distribute malware or perform any actions that can destroy the Electronic trading system.

- (f) Khách hàng phải tự ghi nhớ và chịu trách nhiệm lưu giữ và bảo mật thông tin TKCK và tất cả Mật Khẩu cho riêng mình; Khách hàng không được chia sẻ thông tin TKCK hay Mật Khẩu với bất kỳ ai khác nếu không được VPS chấp thuận rõ ràng bằng văn bản.

The Customer must remember by itself and be responsible for the confidentiality and retention of Securities account information and all its own Password; The Customer shall not disclose Securities account information or Password to anyone else without expressly approved in writing by VPS.

- (g) Khách hàng tự chịu trách nhiệm đối với mọi Thao tác/giao dịch trên hệ thống được thực hiện đối với TKCK (Khách hàng công nhận rằng bất kỳ Thao tác/giao dịch trên hệ thống nào được thực hiện đối với TKCK đều mặc nhiên được hiểu là được chính Khách hàng thực hiện trừ trường hợp Khách hàng đã thông báo và VPS xác nhận đã nhận được thông báo của Khách hàng về việc mất Mật Khẩu hoặc thiết bị điện tử có cài đặt Hệ thống giao dịch điện tử).

The Customer is solely responsible for all its System transactions/activities performed on the Securities account (The Customer acknowledges that any System transactions/activities performed on the Securities account are automatically understood to be performed by the Customer itself unless the Customer has notified VPS in advance and VPS has confirmed the Customer's notification of losing a Password or an electronic device with pre-installed Electronic trading system).

- (h) Khách hàng cũng tự chịu trách nhiệm đối với mọi thông tin, Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử được đặt qua hoặc gửi đi từ Số điện thoại hay Thư điện tử (Khách hàng công nhận rằng bất kỳ mọi thông tin, Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử được đặt qua hoặc gửi đi từ Số điện thoại hay Thư điện tử đều mặc nhiên được hiểu là do chính Khách hàng đặt và gửi đi trừ trường hợp Khách hàng đã thông báo và VPS xác nhận đã nhận được thông báo của Khách hàng về việc mất điện thoại hay sim gắn với Số điện thoại hoặc thiết bị điện tử có cài sẵn phần mềm hay ứng dụng để gửi Thư điện tử).

The Customer is also solely responsible for all information, Electronic orders or Electronic approvals placed via or sent from the Phone number or Email (The Customer acknowledges that any information, Electronic orders or Electronic approvals placed via or sent from the Phone number or Email are automatically understood to be placed and sent by the Customer itself unless the Customer has notified VPS in advance and VPS has confirmed the Customer's notification of losing a phone or a sim attached to the Phone number or an electronic device with pre-installed Email-sending software/application).

- (i) Khách hàng phải thông báo cho VPS ngay sau khi (i) bị mất hoặc bị đánh cắp thiết bị điện tử cài đặt Ứng dụng thiết bị điện tử hay hệ thống khác thuộc Hệ thống giao dịch điện tử; (ii) bị mất hoặc bị đánh cắp điện thoại hay sim gắn với Số điện thoại hoặc (iii) bị mất hoặc bị đánh cắp thiết bị điện tử có cài sẵn phần mềm hay ứng dụng để gửi và/hoặc nhận Thư điện tử từ và/hoặc đến Thư điện tử.

The Customer is responsible for notifying VPS immediately after (i) losing or being stolen an electronic device which installed the Digital applications or other system of the Electronic trading system; (ii) losing or being stolen a phone or sim attached to the Phone number; or (iii) losing or being stolen an electronic device with pre-installed Email-sending/receiving software/application.

- (j) Khách hàng phải thông báo ngay cho VPS khi gửi Lệnh điện tử hay Chấp thuận điện tử hay ký kết Hợp đồng điện tử mà không được xác thực theo quy định tại Điều C8.

The Customer must promptly notify VPS when sending an Electronic order or an Electronic approval or signing an Digital contract without being authenticated as prescribed in Article C8.

- (k) Khách hàng có trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho VPS theo quy định của pháp luật phát sinh từ:

The Customer shall indemnify VPS to all the damages/losses which VPS has suffered in accordance with applicable laws and arising out of:

- (i) hành vi lừa dối của Khách hàng;
the Customer's fraudulent behavior;
- (ii) hành vi vi phạm Phần C này của Khách hàng;
a violation of this Part C by the Customer;
- (iii) hành vi sử dụng sai mục đích Hệ thống giao dịch điện tử; hoặc
the misuse of the Electronic trading system by the Customer; or
- (iv) hành vi sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử cho các giao dịch hay hoạt động trái pháp luật.
the utilization of the Electronic trading system for illegal transactions/activities by the Customer;

- (l) Khách hàng có các quyền và nghĩa vụ khác quy định tại Phần C này, các hợp đồng/thỏa thuận khác ký với VPS và theo quy định của pháp luật Việt Nam.

The Customer shall have other rights and obligations set out in this Part C, in other contracts/agreements between the Customer and VPS and in accordance with applicable laws.

ĐIỀU C10. CÔNG BỐ RỦI RO

ARTICLE C10. RISK DISCLOSURE

Khách hàng đồng ý rằng việc sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử, Số điện thoại và Thư điện tử luôn gắn với rủi ro và Khách hàng tự nguyện chấp nhận các rủi ro đó. Dưới đây là một số rủi ro (Khách hàng đồng ý rằng danh sách này không phải là danh sách đầy đủ các rủi ro ảnh hưởng đến việc sử dụng Hệ thống giao dịch điện tử, Số điện thoại và Thư điện tử):

When using the Electronic trading system, Phone number and Email, the Customer acknowledges the risks associated with these activities and the Customer voluntarily accepts such risks. Types of risks may include the following types (The Customer agrees that this is not a complete list of risks affecting the utilization of the Electronic trading System, Phone number and Email):

10.1 Rủi Ro Tắc Ngẽn/Gián Đoạn Hệ Thống Mạng: Rủi ro này thể hiện thông qua việc nghẽn đường truyền, đứt đường truyền hay quá tải đường truyền. Hậu quả của rủi ro này có thể là (i) Khách hàng không thể truy cập được TKCK thông qua Hệ thống giao dịch điện tử hoặc (ii) Thao tác/giao dịch trên hệ thống bị chậm trễ, bị gián đoạn, bị ngừng hoặc bị cản trở.

Network Congestion/Disruption Risk: This risk is manifested through network congestion, disconnection or overload. The consequences of this risk may be: (i) The Customer cannot access the Securities account via the Electronic trading system; or (ii) The System transactions/activities are delayed, interrupted, stopped or blocked.

- 10.2 **Rủi Ro Hệ Thống Bị Tấn Công Trái Phép:** Rủi ro này thể hiện thông qua việc thiết bị điện tử của Khách hàng cài đặt Hệ thống giao dịch điện tử, mạng nội bộ của VPS hoặc mạng kết nối giữa VPS và các bên thứ ba có liên quan bị nhiễm virus, bị xâm nhập, can thiệp trái phép, bị chiếm quyền điều khiển hay bị tấn công. Hậu quả của rủi ro này có thể là (i) Khách hàng không thể truy cập được TKCK thông qua Hệ thống giao dịch điện tử; (ii) thông tin TKCK bị lộ, bị đánh cắp, bị xóa hoặc bị chỉnh sửa; (iii) Thao tác/giao dịch trên hệ thống bị thực hiện bởi người khác và/hoặc (iv) Thao tác/giao dịch trên hệ thống do Khách hàng thực hiện bị chỉnh sửa, bị làm sai lệch, bị chậm trễ, bị gián đoạn, bị ngừng hoặc bị cản trở.

Risk of Unauthorized Hacking System: A type of risk arising when a Customer's electronic device with pre-installed Electronic trading system, the intranet of VPS or a network connecting VPS and related third parties is infected by virus, compromised, illegally interfered, hijacked or attacked. The consequences of this risk may be: (i) The Customer cannot access the Securities account via the Electronic trading system; (ii) Information of the Securities account is disclosed, stolen, deleted or modified; (iii) The System transactions/activities are performed by others and/or (iv) The Customer's System transactions/activities are modified, falsified, delayed, interrupted, stopped back or obstructed.

- 10.3 **Rủi Ro Từ Lỗi Ứng Dụng/Phần Mềm:** Rủi ro này tồn tại ở dạng có lỗi xây dựng, thiết kế phần mềm dùng để chạy Hệ thống giao dịch điện tử hoặc mạng nội bộ của VPS hoặc mạng kết nối giữa VPS và các bên thứ ba có liên quan. Hậu quả của rủi ro này có thể là (i) Khách hàng không thể truy cập được TKCK thông qua Hệ thống giao dịch điện tử, (ii) thông tin TKCK không hiển thị đầy đủ hoặc sai lệch và/hoặc (iii) Thao tác/giao dịch trên hệ thống bị chậm trễ, bị gián đoạn, bị ngừng hoặc bị cản trở.

Risk of Application/Software Error: This risk arises when the Electronic trading system, the intranet of VPS or a network connecting VPS and related third parties has a software setup/design error. The consequences of this risk may be: (i) The Customer cannot access the Securities account via the Electronic trading system; (ii) The Securities account information shall not display fully or correctly and/or (iii) The System transactions/activities are modified, falsified, delayed, interrupted, stopped back or obstructed.

- 10.4 **Rủi Ro Con Người:** Rủi ro này phát sinh từ việc có sự can thiệp trái phép của nhân viên VPS đối với thông tin TKCK hoặc truy cập trái phép TKCK. Hậu quả của rủi ro này có thể là (i) Khách hàng không thể truy cập được TKCK thông qua Hệ thống giao dịch điện tử; (ii) thông tin TKCK bị lộ, không hiển thị đầy đủ hoặc bị chỉnh sửa và/hoặc (iii) Thao tác/giao dịch trên hệ thống bị thực hiện bởi người khác không phải Khách hàng.

Human Risk: This risk arises when the Securities account information or the Securities accounts itself is illegally intervened by staff of VPS. The consequences of this risk may be: (i) The Customer cannot access the Securities account via the Electronic trading system; (ii) The Securities account information shall not display fully or correctly and/or (iii) The System transactions/activities are performed by others than the Customer.

PHẦN D: QUY ĐỊNH VỀ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH **SECTION D: DERIVATIVES TRADING REGULATIONS**

ĐIỀU D1. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ **ARTICLE D1. INTERPRETATION**

Trong Phần D này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

In this Section D, the following words and phrases have the meaning as stated hereunder:

- 1.1 **Chứng khoán phái sinh (CKPS):** Là chứng khoán quy định tại các văn bản pháp luật về chứng khoán hiện hành, bao gồm: Hợp đồng tương lai, quyền chọn, hợp đồng kỳ hạn và chứng khoán phái sinh khác theo hướng dẫn của Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật có liên quan.

Derivatives: mean securities as set out under laws on securities, including: future contracts, fixed-term contracts and other derivatives subject to guidances of Ministry of Finance and other relevant laws.

- 1.2 **Hợp đồng tương lai Trái phiếu chính phủ (HĐTL TPCP):** Là chứng khoán phái sinh dựa trên tài sản cơ sở là trái phiếu Chính phủ hoặc trái phiếu giả định có đặc điểm như một trái phiếu Chính phủ do Kho bạc Nhà nước phát hành.

Government bond future contract (GBFC): means derivatives based on underlying assets as government bonds or assuming bonds which have same characteristics as government bonds issued by State Treasury.

- 1.3 **Tài khoản phái sinh:** Được hiểu là bao gồm tài khoản giao dịch phái sinh và tài khoản ký quỹ của Khách hàng được VPS mở trên cơ sở yêu cầu, đề nghị mở tài khoản của Khách hàng để Khách hàng thực hiện giao dịch chứng khoán phái sinh.

Derivatives accounts: include derivatives trading account and margin account of the Customer opened by VPS upon requests, demands of such Customer for the purpose of conducting derivatives transactions.

- 1.4 **Tài khoản giao dịch phái sinh (TKGDPS):** Là tài khoản của Khách hàng mở tại VPS để thực hiện giao dịch chứng khoán phái sinh.

Derivatives trading account (DTA): means the Customer's account opened at VPS for the purpose of conducting derivatives transactions.

- 1.5 **Tài khoản ký quỹ:** Là tài khoản ký quỹ được VPS mở cho Khách hàng tại VSD để thực hiện các hoạt động liên quan đến ký quỹ tài sản, thanh toán bù trừ giao dịch CKPS.

Margin account: mean the Customer's margin account opened by VPS at VSD for the purpose of conducting activities related to asset margin and derivatives transaction net-off.

- 1.6 **Ký quỹ:** Là việc Khách hàng gửi tiền hoặc chứng khoán được chấp nhận ký quỹ để đảm bảo việc thực hiện giao dịch và nghĩa vụ thanh toán giao dịch CKPS của Khách hàng.

Margin: means marginable cash or securities deposited by the Customer for the purpose of guaranting transaction performance and derivatives transaction payment of the Customer.

- 1.7 **Giá trị tài sản ký quỹ:** Bao gồm số dư tiền trên tài khoản ký quỹ và giá trị danh mục chứng khoán ký quỹ được xác định theo quy định của VSD và/hoặc VPS từng thời kỳ.

Marginable asset value: includes balances of margin account and asset value of marginable securities portfolio subject to regulations of VPS and/or VPS from time to time.

- 1.8 **Ký quỹ ban đầu:** Là việc ký quỹ trước khi thực hiện giao dịch CKPS.

Initial required margin: mean margin required before conducting derivatives transaction.

- 1.9 **Giá trị ký quỹ duy trì yêu cầu (MR):** Là giá trị ký quỹ tối thiểu mà Khách hàng phải duy trì và do VSD và/hoặc VPS tính toán đối với số vị thế CKPS đang mở trên tài khoản giao dịch.

Maintenance required margin (MR): means minimum marginable value that the Customer must maintain subject to VSD and/or VPS's calculation for open positions of derivatives on account.

- 1.10 **Tỷ lệ ký quỹ bằng tiền:** Là tỷ lệ giữa giá trị tài sản ký quỹ bằng tiền so với tổng giá trị tài sản ký quỹ. Trong mọi trường hợp, tỷ lệ ký quỹ bằng tiền phải tuân theo quy định của VPS và/hoặc các quy định của cơ quan quản lý từng thời kỳ.

Marginable cash ratio: means the ratio between the value of marginable assets in form of cash and total value of marginable assets.

- 1.11 **Tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ:** Là tỷ lệ giữa giá trị ký quỹ duy trì yêu cầu (MR) với tổng giá trị tài sản ký quỹ hợp lệ.

Marginable asset ratio: means the ratio between the value maintenance required margin (MR) and total value of eligible marginable assets.

- 1.12 **Tỷ lệ ký quỹ duy trì:** Là tỷ lệ tối thiểu giữa Giá trị ký quỹ duy trì yêu cầu với Tổng giá trị tài sản ký quỹ hợp lệ mà Khách hàng cần duy trì trên Tài khoản giao dịch chứng khoán phái sinh. Khách hàng cần duy trì tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ dưới tỷ lệ này.

Maintenance margin ratio: means the minimum ratio between maintenance required margin and total value of eligible marginable assets that must be maintained on Customer's derivatives trading account. The Customer shall maintain their marginable asset ration below this ratio.

- 1.13 **Tỷ lệ ký quỹ xử lý:** Là tỷ lệ giữa Giá trị ký quỹ duy trì yêu cầu với tổng giá trị tài sản ký quỹ hợp lệ mà tại mức cao hơn mức này VPS có quyền xử lý mất khả năng thanh toán như quy định tại Phần D này.

Liquidation ratio: is the ratio between the maintenance required margin and and total value of eligible marginable assets.

- 1.14 **Vị thế một CKPS:** Là trạng thái giao dịch và khối lượng CKPS còn hiệu lực mà Khách hàng đang nắm giữ tính tới thời điểm đó. Khách hàng mua hoặc bán một CKPS được gọi là mở vị thế mua hoặc mở vị thế bán CKPS đó.

Derivative position: means overall situation and quantity of effective derivatives held by the Customer. The Customer buys or sells derivatives is called opening a long position or opening a short position of such derivatives.

- 1.15 **Giao dịch đối ứng:** Là việc mở một vị thế mua (hoặc bán) mới nhằm đóng một phần/toàn bộ vị thế bán (hoặc mua) đã mở trước đó.

Cross margin: means to open a short (or long) position for the purpose of closing a part of/total previous opened short (or long) position.

- 1.16 **Giá thanh toán cuối cùng (FSP):** Là mức giá được xác định tại ngày giao dịch cuối cùng để xác định nghĩa vụ thanh toán khi thực hiện hợp đồng.

Final sale price (FSP): means the price determined on the final transaction day for the purposes of determining payment obligation in accordance with contracts/agreements.

- 1.17 **Ngưỡng cảnh báo:** Là các giới hạn vi phạm về tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ, giới hạn vị thế một CKPS và/hoặc các cảnh báo khác (nếu có) được VPS quy định trong từng thời kỳ.

Limitation: means limitation on marginable ratio, margin position and/or other limitation (if any) in accordance with the regulations of VPS from time to time.

- 1.18 **Mất khả năng thanh toán:** Là trạng thái tài khoản của Khách hàng không thực hiện đầy đủ hoặc kịp thời nghĩa vụ thanh toán lỗ vị thế hàng ngày hoặc nghĩa vụ bổ sung tài sản ký quỹ do vi phạm tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ; hoặc thanh toán tiền thực hiện Hợp đồng và/hoặc không chuyển đủ nghĩa vụ thanh toán thực hiện Hợp đồng tương lai Trái phiếu chính phủ hoặc theo quy định của VPS và/hoặc VSD từng thời kỳ.

Insolvency: means the state of Customer's account in the event that the Customer fails to pay daily position losses or add marginable assets as a result of marginable asset ratio violation; or pay Contracts' payment obligation and/or transfer government future bond contracts' payment obligation in full when becomes due and payable or subject to regulations of VPS and/or VSD from time to time.

- 1.19 **Lệnh gọi ký quỹ bổ sung:** Là thông báo từ VPS nhằm yêu cầu Khách hàng thực hiện nộp ký quỹ bổ sung do tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ trên tài khoản do vi phạm các ngưỡng cảnh báo. Việc tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ của tài khoản vi phạm ngưỡng cảnh báo có thể do biến động từ thị trường CKPS làm tăng giá trị tài sản ký quỹ yêu cầu và/hoặc một/một số chứng khoán ký quỹ không còn được sử dụng để ghi nhận vào tài sản ký quỹ và/hoặc chứng khoán ký quỹ thực hiện quyền (chi trả cổ tức bằng tiền/cổ phiếu/cổ phiếu thưởng/ thực hiện quyền mua).

Margin call: means a demand of VPS for additional capital or assets of accounts as a result of violation on limitation. This is because of the movement of derivatives market, which leads to the increase of maintenance required margin and/or the non-recognition of several marginable securities as marginable assets and/or securities to exercise rights (dividends paid in cash/stocks/bonus stocks/exercising call options).

- 1.20 **Cơ quan có thẩm quyền** gồm Chính phủ, Bộ Tài chính, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, VSD, SGDCK và cơ quan Quản lý Nhà nước có thẩm quyền khác.

Competent authorities include the Government, Ministry of Finance, State Securities Commission, VSD, Stock Exchanges and any other State competent authorities.

ĐIỀU D2. MỞ TÀI KHOẢN GIAO DỊCH PHÁI SINH

ARTICLE D2. DERIVATIVES TRADING ACCOUNT OPENING

- 2.1 Trên cơ sở Hợp đồng mở TKCK và đăng ký sử dụng dịch vụ chứng khoán giữa Khách hàng và VPS, VPS đồng ý mở cho Khách hàng 01 tài khoản giao dịch CKPS và thay mặt Khách hàng để mở 01 tài khoản ký quỹ CKPS tại VSD theo quy định của VPS trên cơ sở tuân thủ quy định về việc mở tài khoản giao dịch phái sinh của Cơ quan có thẩm quyền.

According to SA Agreement and securities service registration between the Customer and VPS, VPS agrees to open a derivatives trading account under the Customer's name and a margin account at VSD on behalf of the Customer subject to VPS's regulations which are in compliance with competent authorities' regulations on derivatives trading accounts.

- 2.2 VPS không thực hiện mở tài khoản giao dịch CKPS cho các đối tượng sau đây:

VPS shall not open derivatives trading accounts for the following persons:

- (a) Cá nhân dưới 18 tuổi;

Those under the age of 18 years old;

- (b) Cá nhân không có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, đang chấp hành hình phạt tù, hoặc bị Tòa án cấm hành nghề kinh doanh; Giám đốc (Tổng Giám đốc), Phó Giám đốc (Phó Tổng Giám đốc), các Trưởng bộ phận, Nhân viên của thành viên giao dịch khác; và

Whose capacity for civil acts is restricted or lost, those serving prison sentences, prohibited from conducting business by a Court's order, Director (General Director), Deputy Director (Deputy General Director), Head departments and staffs of other trading members; and

- (c) Những đối tượng khác bị cấm giao dịch chứng khoán phái sinh theo quy định của pháp luật.

Others who are prohibited from trading derivatives in accordance with the regulations of laws.

- 2.3 Khách hàng hoàn toàn chịu trách nhiệm trong việc tuân thủ các quy định về điều kiện mở TKGDPS. Trường hợp VPS phát hiện Khách hàng không trung thực trong việc cung cấp thông tin mở tài khoản và/hoặc Khách hàng là một trong số các đối tượng được quy định nêu trên, VPS có quyền tự động từ chối việc nhận lệnh giao dịch của Khách hàng, ngoại trừ các giao dịch đối ứng để đóng vị thế; đồng thời tiến hành đóng tài khoản của Khách hàng ngay sau khi hoàn tất việc thanh lý vị thế của Khách hàng đó mà không phải bồi thường bất kỳ thiệt hại nào cho Khách hàng.

The Customer is responsible for complying with the regulations on DTA opening. If it is found by VPS that the Customer provides inaccurate or misleading information to open their DTA and/or the Customer is one of above prohibited persons, VPS shall automatically refuse to get their orders, except for cross margin to close positions; and then closing their DTA immediately after liquidating their positions without compensating any losses to such Customer.

- 2.4 Khách hàng có nghĩa vụ cung cấp đúng, đầy đủ và cập nhật khi có sự thay đổi các thông tin cần thiết cho việc mở, quản lý TKGDPS. VPS không chịu trách nhiệm nếu Khách hàng không cung cấp thông tin thay đổi dẫn đến việc không trùng khớp thông tin, gây gián đoạn việc giao dịch CKPS của Khách hàng.

The Customer is responsible for providing accurate, complete and latest updated information on opening and management of DTA. VPS bears no responsibility in the event that the Customer does not provide updated information, leading to the differences of between informations and disruption of the Customer's derivatives trading.

ĐIỀU D3. GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN PHÁI SINH

ARTICLE D3. DERIVATIVES TRADING

- 3.1 Sau khi mở tài khoản CKPS, Khách hàng được thực hiện giao dịch CKPS theo quy định của Cơ quan có thẩm quyền về việc mở tài khoản CKPS.

After opening a derivatives account, the Customer shall conduct derivatives transactions in accordance with the regulations of Competent authorities on derivatives account opening.

- 3.2 Việc nhận, thực hiện và xác nhận lệnh, kết quả giao dịch CKPS được thực hiện trên cơ sở các giao kết đã có giữa VPS và Khách hàng cho TKGDCK cơ sở. Giao dịch CKPS của Khách hàng sẽ được VPS thực hiện trên cơ sở tuân thủ các quy định của Cơ quan có thẩm quyền và của VPS trong từng thời kỳ. VPS có quyền từ chối nhận lệnh của Khách hàng trong các trường hợp sau:

The order getting, exercise and confirmation, derivatives trading results are in compliance with agreements on underlying securities trading account between VPS and the Customer. Derivatives transactions of the Customers shall be conducted by VPS in accordance with the regulations of Competent authorities and VPS from time to time. VPS shall refuse to get Customer's orders in one of following circumstances:

- (a) Khách hàng chưa ký quỹ đầy đủ theo quy định của VPS và/hoặc quy định của VSD, trừ các giao dịch đối ứng; hoặc

The Customer fails to properly margin in accordance with the regulations of VPS and/or VSD, except for cross margin; or

- (b) Tài khoản của Khách hàng đang mất khả năng thanh toán hoặc đang bị tạm ngừng giao dịch theo quy định của VSD, Sở giao dịch chứng khoán; hoặc

The Customer is insolvent or suspended from trading in accordance with the regulations of VSD and stock exchanges; or

- (c) Lệnh vượt quá giới hạn lệnh theo quy định của VPS và/hoặc quy định của VSD; hoặc

Orders violates order limitation in accordance with the regulations of VPS and/or VSD; or

- (d) Lệnh mà cùng với các lệnh đang chờ thực hiện trên hệ thống của tài khoản giao dịch sẽ làm vượt quá giới hạn lệnh tích lũy hoặc lệnh dẫn tới vị thế của Khách hàng trên tài khoản vượt quá giới hạn vị thế theo quy chế của SGDCK, VSD (nếu có); hoặc

Orders that, in associations with other pending orders of accounts, shall are in violation with accrued order limitation or resulting in the Customer's position violates the position limitation in accordance with the regulations of VSD and stock exchanges (if any); or

- (e) Các trường hợp khác theo quy định của Cơ quan có thẩm quyền.

Other circumstances in accordance with the regulations of Competent authorities.

- 3.3 Nếu Khách hàng không tuân thủ một hoặc nhiều quy định bất kỳ về giao dịch chứng khoán phái sinh, VPS có quyền từ chối thực hiện giao dịch của Khách hàng. Khách hàng cam kết không có bất kỳ khiếu kiện nào đối với VPS khi VPS từ chối thực hiện giao dịch như vậy.

If the Customer violates any regulation(s) on derivatives, VPS shall refuse to conduct the Customer's transactions. The Customer undertakes not raising any complaint or claim relating to such refusing of VPS.

ĐIỀU D4. KÝ QUỸ, QUẢN LÝ VÀ XỬ LÝ KÝ QUỸ TRONG GIAO DỊCH PHÁI SINH

ARTICLE D4. MARGIN, MANAGEMENT AND LIQUIDATION ON DERIVATIVES TRANSACTIONS

4.1 Ký Quỹ Thực Hiện Giao Dịch Chứng Khoán Phái Sinh

Margin for the Purpose of Conducting Derivaties Transactions

- (a) Khách hàng có trách nhiệm nộp đầy đủ ký quỹ ban đầu đầy đủ và kịp thời cho toàn bộ vị thế dự kiến mở trước khi Khách hàng thực hiện các giao dịch, ngoại trừ các giao dịch đối ứng.

The Customer is responsible for deposit fully and properly all proposed positions to be opened before conducting any transactions, except for cross margin.

- (b) Tỷ lệ ký quỹ ban đầu, tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ duy trì được VPS công bố từng thời kỳ trên website của VPS, Khách hàng có nghĩa vụ theo dõi các thông báo của VPS được cập nhật trên website để luôn đảm bảo giá trị ký quỹ thực hiện Hợp đồng. Khách hàng phải duy trì ký quỹ cho vị thế của mình và phải bổ sung ký quỹ khi (i) tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ vi phạm tỷ lệ do VPS/VSD quy định; hoặc (ii) số dư tiền gửi ký quỹ không đảm bảo tỷ lệ ký quỹ duy trì bằng tiền theo yêu cầu của VPS. VPS có quyền yêu cầu Khách hàng bổ sung ký quỹ ngay trong phiên giao dịch (intra-day margin).

Initial margin ratio, marginable asset ratio are published by VPS on VPS's websites from time to time. The Customer is responsible for updating VPS's announcements on VPS's website to guarantee their margin value to perform Agreement. The Customer is responsible for position maintenance and margin addition in the event of (i) marginable asset ratio is in violation of required ratio of VPS/VSD; or (ii) cash balances fails to meet the marginable cash ratio as required by VPS. VPS shall request the Customer to add intra-day margin.

- (c) Khách hàng được rút/chuyển tài sản ký quỹ nếu giá trị tài sản ký quỹ vượt quá giá trị ký quỹ duy trì yêu cầu do VPS quy định nhưng trong mọi trường hợp không thấp hơn giá trị ký quỹ duy trì do VSD quy định và thỏa mãn các điều kiện được phép rút ký quỹ.

The Customer shall withdraw/transfer their marginable assets in the event that marginable asset value is over VPS's maintenance required margin, provided that such marginable asset value

is not under VSD's maintenance required margin and meets requirements on margin withdrawal.

- (d) Khi ký quỹ ban đầu hoặc bổ sung ký quỹ, VPS được quyền yêu cầu Khách hàng ký quỹ hoàn toàn bằng tiền hoặc cho phép Khách hàng sử dụng một phần tài sản ký quỹ là chứng khoán được chấp nhận làm tài sản bảo đảm theo tỷ lệ ký quỹ bằng tiền do VPS quy định trong từng thời kỳ nhưng không thấp hơn tỷ lệ ký quỹ bằng tiền theo quy định của pháp luật có liên quan.

In case of initial or additional margin, VPS shall request the Customer to margin entirely in cash or allow the Customer to partially deposit their marginable assets, which are securities eligible to be collaterals, to meet the marginable cash ratio as set out by VPS from time to time, provided that such ratio is not below the marginable cash ratio in accordance with the regulations of relevant laws.

- (e) Trong thời gian ký quỹ, chứng khoán ký quỹ làm tài sản bảo đảm của Khách hàng vẫn được nhận các quyền và lợi ích phát sinh theo quy định pháp luật. Khách hàng không được sử dụng chứng khoán ký quỹ để chuyển nhượng, cho, tặng, thế chấp, cầm cố, ký quỹ, ký cược, đăng ký tài sản bảo đảm hoặc sử dụng các tài sản ký quỹ vào các mục đích khác.

During the margin period, the Customer's marginable securities as collaterals are still entitled with rights and interests in accordance with the regulations of laws. The Customer shall not transfer, give, gift, mortgage, pledge, deposit, assign, register as secured assets or otherwise dispose marginable assets in other purposes.

4.2 Ký Quỹ Trong Giao Dịch Hợp Đồng Tương Lai Trái Phiếu Chính Phủ

Margin on Government Bond Future Contract Transaction

- (a) Ngoài khoản ký quỹ ban đầu, Khách hàng phải nộp ký quỹ đảm bảo thực hiện HĐTL TPCP bằng tiền hoặc trái phiếu trong danh sách các trái phiếu có thể chuyển giao theo quy định của VPS phù hợp với quy định của VSD (bao gồm nhưng không giới hạn: tỷ lệ nộp, thời hạn nộp...).

Besides initial margin, the Customer must margin to guarantee the performance of GBFC in cash or bonds listed on the transferable bond list in accordance with the regulations of VPS and VSD (including but not limited to deposit ratio, deposit date, and so on.)

- (b) Tỷ lệ ký quỹ ban đầu, tỷ lệ ký quỹ đảm bảo thực hiện HĐTL TPCP và các tỷ lệ khác được VPS công bố từng thời kỳ, Khách hàng có nghĩa vụ theo dõi các thông báo của VPS để luôn đảm bảo giá trị ký quỹ thực hiện Hợp đồng. Khách hàng phải duy trì ký quỹ cho vị thế của mình và phải bổ sung ký quỹ khi (i) tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ vi phạm tỷ lệ do VPS/VSD quy định; hoặc (ii) số dư tiền gửi ký quỹ không đảm bảo tỷ lệ ký quỹ duy trì bằng tiền theo yêu cầu của VPS. VPS có quyền yêu cầu Khách hàng bổ sung ký quỹ ngay trong phiên giao dịch (intra-day margin).

Initial margin ratio, GBFC margin ratio and other ratios are published by VPS from time to time. The Customer is responsible for position maintenance and margin addition in the event of (i) marginable asset ratio is in violation of required ratio of VPS/VSD; or (ii) cash balances fails to meet the marginable cash ratio as required by VPS. VPS shall request the Customer to add intra-day margin.

- (c) Tỷ lệ chiết khấu chứng khoán ký quỹ: được VPS công bố từng thời kỳ trên trang thông tin của VPS và/hoặc tại quầy giao dịch.

Margin discount ratio: are published by VPS on VPS's website and/or trading counters.

- (d) Khách hàng có nghĩa vụ đảm bảo tỷ lệ ký quỹ duy trì và thanh toán lỗ vị thế hàng ngày theo quy định của VPS từng thời kỳ. Trường hợp Khách hàng vi phạm các nghĩa vụ này dẫn đến việc

Khách hàng/VPS phải tìm đối tác để hỗ trợ các khoản duy trì và thanh toán thì Khách hàng có trách nhiệm tự mình thanh toán toàn bộ các chi phí, phí tổn, tiền phạt (nếu có) liên quan đến việc hỗ trợ nêu trên.

The Customer is responsible for guaranting maintenance margin ratio and pay daily position losses in accordance with the regulations of VPS from time to time. In the event that the Customer violates their responsibilities, resulting in the support on maintenance and payment amount of other parties as requested by VPS/Customer, the Customer is responsible for paying all costs, expenses, and penalties (if any) related to such support.

4.3 Tài Sản Ký Quỹ

Marginable Assets

- (a) Tài sản ký quỹ bao gồm: (i) Tiền mặt; (ii) Chứng khoán được phép sử dụng làm tài sản ký quỹ theo quy định của pháp luật: Trái phiếu chính phủ, Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh ngoại trừ tín phiếu Kho bạc; Chứng khoán niêm yết tại SGDCK (cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đầu tư ngoại trừ chứng chỉ quỹ ETF); Các chứng khoán khác theo quy định của VSD từng thời kỳ); và (iii) Các loại tài sản khác theo quy định của VPS và pháp luật tại từng thời kỳ.

Marginable assets include: (i) Cash; (ii) Securities eligible to be used as marginable asset in accordance with the regulations of laws: Government bonds, Bonds secured by Government (except for Treasury bills); Listed securities in stock exchanges (shares, fund certificates (except for ETF fund certificates), other securities in accordance with the regulations of VSD from time to time; and (iii) other assets in accordance with the regulations of VPS and laws from time to time.

- (b) Điều kiện ghi nhận chứng khoán làm tài sản ký quỹ:

Requirements of securities used as marginable assets:

- (i) Thuộc danh mục chứng khoán do VPS công bố theo từng thời kỳ phù hợp với quy định của VSD;

on the securities list as published by VPS from time to time in accordance with the regulations of VSD;

- (ii) Không thuộc loại bị cảnh báo, bị kiểm soát, tạm ngừng giao dịch trên SGDCK; hoặc chứng khoán của các tổ chức phát hành đang trong tình trạng thanh lý, giải thể, phá sản, hợp nhất, sáp nhập;

not be warned, controlled, suspended from trading in stock exchanges; or issued by organizations which are in states of liquidation, dissolution, bankruptcy, consolidation, or merger;

- (iii) Không bị cầm cố, phong tỏa, tạm giữ tại VSD;

not be pledged, blocked, or temporarily detained at VSD;

- (iv) Thuộc loại tự do chuyển nhượng và đã được lưu ký trên TKGDCK tại VSD;

are free of encumbrances and deposited on SA opened at VSD;

- (v) Là tài sản hợp pháp do Khách hàng đứng tên trên tài khoản lưu ký;

beneficially owned by the Customer named on the depository account;

- (vi) Đáp ứng các điều kiện khác do VPS quy định theo từng thời kỳ (nếu có).

meets other requirements in accordance with the regulations of VPS from time to time (if any).

4.4 Quản Lý Tỷ Lệ Sử Dụng Tài Sản Ký Quỹ

Management of Marginable Asset Ratio

- (a) VPS gửi thông báo yêu cầu Khách hàng bổ sung tài sản ký quỹ khi tài khoản vi phạm các ngưỡng cảnh báo để đảm bảo tỷ lệ ký quỹ duy trì. Khách hàng có trách nhiệm nộp ký quỹ bổ sung cho VPS theo yêu cầu ngay sau khi nhận lệnh gọi ký quỹ. Trong mọi trường hợp, nếu Khách hàng không thực hiện ký quỹ bổ sung đầy đủ và đúng thời hạn, Khách hàng được coi là mất khả năng thanh toán và VPS có quyền áp dụng các hình thức xử lý tài khoản giao dịch CKPS của Khách hàng theo quy định của Phần D này và pháp luật có liên quan. Lệnh gọi bổ sung tài sản ký quỹ có thể được thực hiện bằng một trong các hình thức: gửi tin nhắn SMS, email, điện thoại, văn bản hoặc các phương tiện khác do VPS lựa chọn trong từng thời kỳ.

A request on marginable asset addition shall be sent by VPS in the event of the Customer's account is in violation the limitation to guarantee the maintenance margin ratio. The Customer is responsible for required additional margin to VPS immediatly after the receipt of such request. In any case, if the Customer fails to margin in full when it due and payable, the Customer is deemed to be insolvency and VPS shall liquidate their derivaties trading account in accordance with this Section D and regulations of law. Margin calls on marginable asset additions shall be delivered in one of following: via SMS, email, telephone or other comunication facilities chosen by VPS from time to time.

- (b) Khi Khách hàng vi phạm tỷ lệ ký quỹ xử lý, VPS có quyền thực hiện ngay các biện pháp cần thiết theo quy định bao gồm việc tự động đóng một phần hoặc toàn bộ các vị thế trên tài khoản phái sinh của Khách hàng và tất cả các biện pháp cần thiết khác để đảm bảo tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ thấp hơn tỷ lệ ký quỹ duy trì.

If the Customer violates the liquidation ratio, VPS shall immediately conduct necessary methods, including automatically closing a part of or entire positions on the Customer's derivaties account and other necessary methods to guarantee that the marginable asset ratio is below the maitenance margin ratio.

4.5 Xử Lý Tài Sản Ký Quỹ Trong Trường Hợp Tài Khoản Mất Khả Năng Thanh Toán

Marginable Asset Liquidation in Case of Insolvent Accounts

Nếu Khách hàng mất khả năng thanh toán, VPS có quyền (nhưng không phải là nghĩa vụ) thực hiện các công việc sau:

If the Customer is insolvent, VPS is entitled to (but not responsible for) conduct following actions:

- (a) Đình chỉ việc nhận lệnh của Khách hàng, đồng thời hủy các lệnh giao dịch chưa thực hiện;
To suspend the receipt of Customer's orders and cancel pending orders;
- (b) Thực hiện rút toàn bộ tiền mặt hiện có trên TKGDPS của Khách hàng;
To withdraw all available cash on derivatives trading accounts of the Customer;
- (c) Thực hiện rút tiền ký quỹ của Khách hàng tại VSD (nếu giá trị ký quỹ của Khách hàng vượt mức yêu cầu và được VSD chấp thuận);
To withdraw marginable cash of the Customer at VSD (provided that marginable value of the Customer is over the requested value and such withdrawal is approved by VSD);
- (d) Thực hiện việc đóng một phần hoặc toàn bộ vị thế đối với các vị thế mở của Khách hàng nếu Khách hàng không chủ động thực hiện bổ sung tài sản ký quỹ theo thông báo đã nhận;

To close a part of or entire open position of the Customer in the event that the Customer fails to actively add marginable assets upon receiving requests;

- (e) Sử dụng, bán, chuyển giao tài sản ký quỹ của Khách hàng mà không cần sự chấp thuận của Khách hàng;

Use, sell and transfer marginable assets of the Customer without their prior consents;

- (f) Thực hiện thu toàn bộ tiền mặt hiện có và/hoặc bán, chuyển giao tài sản của Khách hàng trên các tài khoản khác mà Khách hàng hiện đang có tại VPS, bao gồm nhưng không giới hạn tiền trên TKCK (kể cả tài khoản ký quỹ) (trong trường hợp này, VPS được thu toàn bộ tiền mặt hiện có mà không cần sự chấp thuận của Khách hàng); và

To collect all available cash and/or sell, transfer assets of the Customer on other Customer's accounts at VPS, including but not limited to cash on SA (including depository accounts) (in such case, VPS shall collect all available cash without the Customer's prior consent); and

- (g) Các biện pháp khác theo quy định của VPS và/hoặc pháp luật có liên quan.

Other actions in accordance with the regulations of VPS and/or relevant laws.

Tùy thuộc từng thời điểm và điều kiện thị trường, VPS sẽ tùy nghi áp dụng một/toàn bộ các biện pháp nêu trên. Nếu sau khi áp dụng toàn bộ các biện pháp nêu trên mà TKCK vẫn không đủ khả năng thanh toán, VPS sẽ phối hợp với VSD để tạm ứng nghiệp vụ nhằm thực hiện bù đắp khoản lỗ cho Khách hàng, Khách hàng có trách nhiệm thanh toán cho VPS toàn bộ tài sản đã tạm ứng và chịu mọi khoản chi phí phát sinh liên quan đến việc xử lý tài sản nêu trên.

Depending on time and market conditions, VPS shall conduct one/all above actions in its sole discretion. If the SA is still insolvent after being conducted all above actions, VPS shall co-operate with VSD to pay the Customer's losses in advance, the Customer is responsible for make the full advanced payment to VPS and other expenses arisen from above asset liquidation.

ĐIỀU D5. THANH TOÁN

ARTICLE D5. PAYMENT

5.1 Khách hàng có nghĩa vụ:

The Customer is responsible for:

- (a) Thanh toán lỗ vị thế: Khách hàng lỗ vị thế có nghĩa vụ thanh toán khoản lỗ cho VPS theo thời gian do VPS quy định tại từng thời kỳ.

Paying position losses: The Customer owing position losses is responsible for paying such losses to VPS when due as set out by VPS from time to time.

- (b) Thanh toán các khoản phí, thuế và các khoản chi phí liên quan khác (nếu có) khi thực hiện giao dịch chứng khoán phái sinh theo quy định của VPS và Cơ quan có thẩm quyền. Các khoản phí, thuế này được VPS công bố từng thời kỳ qua một trong các hình thức sau (i) tại quầy giao dịch của VPS; (ii) công bố trên website của VPS và/hoặc (iii) phương thức khác tùy từng thời kỳ. Khách hàng có trách nhiệm tìm hiểu để nắm thông tin trước khi thực hiện giao dịch.

Paying all expenses, taxes and other costs (if any) arisen from conducting derivatives trading in accordance with the regulations of VPS and Competent authorities. Such expenses and taxes are published by VPS from time to time in one of following methods: (i) at VPS's trading counters; (ii) on VPS's websites and/or (iii) other methods. The Customer is responsible for searching such information before conducting transactions.

- (c) Thanh toán các khoản tiền do VPS đã hỗ trợ thanh toán trên tài khoản của Khách hàng do các nguyên nhân bao gồm nhưng không giới hạn bởi: tài khoản phái sinh của Khách hàng vi phạm các nghĩa vụ thanh toán các khoản phí, thuế và các khoản chi phí liên quan khác theo quy định của cơ quan quản lý.

Paying amounts paid in advance by VPS on the Customer's account. The reasons include but not limited to: the Customer's derivatives account violates payment obligations on expenses, taxes and other costs in accordance with the regulations of competent authorities.

- 5.2 Khách hàng có trách nhiệm theo dõi việc thu phí, thuế, chi phí khác (nếu có) trên các báo cáo, sao kê của mình. Trường hợp có sự khác biệt, Khách hàng có trách nhiệm thông báo cho VPS trong vòng 03 ngày làm việc. Quá thời hạn này mà Khách hàng không có phản hồi với VPS được hiểu là Khách hàng mặc nhiên xác nhận và đồng ý với việc kê khai và thu nộp thuế, phí, lệ phí và chi phí khác của VPS.

The Customer is responsible for keeping in track expense, tax and other cost requirements (if any) on their statements. In case of differences, the Customer is responsible for notifying to VPS within 03 business days. If there is no notice made to VPS after such period, it is deemed that the Customer agrees and accepts to such declaration and expense, tax and other cost requirements of VPS.

- 5.3 Trong mọi trường hợp, nếu Khách hàng không thanh toán và/hoặc thanh toán không đầy đủ các nghĩa vụ nêu tại Khoản 5.1 đúng thời gian quy định, các nghĩa vụ còn lại được xem như khoản nợ của Khách hàng được cộng dồn lại và bị tính lãi theo quy định của VPS và/hoặc Bên thứ ba (nếu có). VPS có quyền tự động rút và xử lý tài sản ký quỹ trên tài khoản phái sinh của Khách hàng, các tài sản khác của Khách hàng để thanh toán cho các nghĩa vụ nêu trên của Khách hàng cho đến khi được thanh toán đầy đủ.

In any case, if the Customer fails to make any payment set out under Article 5.1 in full when due and payable, the outstanding payment is deemed to be accumulated debts and charged interests in accordance with the regulations of VPS and/or third parties (if any). VPS shall automatically withdraw and liquidate marginable assets on the Customer's derivatives account and other assets to pay above obligations of the Customer until those obligations are paid in full.

- 5.4 Nếu VPS đánh giá Khách hàng có khả năng vi phạm các nghĩa vụ thanh toán tại Khoản 5.1(c) trên đây, VPS có quyền tự động rút toàn bộ tài sản ký quỹ trên tài khoản ký quỹ của Khách hàng tại thời điểm đó dựa trên các quy định của các Cơ quan thẩm quyền.

If the Customer is assessed by VPS as potentially violating their payment obligations set out under Article 5.1(c), VPS shall automatically withdraw all marginable assets on the Customer's margin account at that time in accordance with the regulations of Competent authorities.

ĐIỀU D6. THANH TOÁN HỢP ĐỒNG TƯƠNG LAI TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ

ARTICLE D6. PAYMENT OF GOVERNMENT BOND FUTURE CONTRACTS

6.1 Thanh Toán Hợp Đồng Tương Lai Trái Phiếu Chính Phủ

Payment of Government Bond Future Contracts

- (a) HĐTL TPCP được thanh toán bằng phương thức chuyển giao vật chất vào ngày thanh toán cuối cùng là ngày làm việc thứ ba (03) sau ngày giao dịch cuối cùng (E+3). Khách hàng cam kết thanh toán đầy đủ và kịp thời nghĩa vụ thanh toán thực hiện hợp đồng HĐTL TPCP theo quy định của VPS và VSD từng thời kỳ.

GBFC is paid by asset transfer on the final settlement day, which is also the third (03) business day after the final transaction day (E+3). The Customer undertakings to pay their GBFC obligation in full when due and payable in accordance with the regulations of VPS from time to time.

- (b) Nếu Khách hàng nắm giữ vị thế mua đến hết phiên giao dịch của ngày giao dịch cuối cùng (E) thì Khách hàng có nghĩa vụ nộp tiền vào tài khoản giao dịch phái sinh của mình với số tiền không thấp hơn giá trị hợp đồng tính theo mệnh giá Trái phiếu hoặc thực hiện các biện pháp chứng minh khả năng thanh toán khác theo yêu cầu của VPS từng thời kỳ.

If the Customer holds a long position until the end of trading session of the final Trading day (E), the Customer is responsible for depositing to their derivatives account an amount not lower than the contract value, which is calculated by bond denomination, or conducting other methods to prove their payment ability as requested by VPS from time to time.

- (c) Nếu Khách hàng nắm giữ vị thế bán đến hết phiên giao dịch của ngày giao dịch cuối cùng (E) thì Khách hàng có nghĩa vụ cung cấp danh sách trái phiếu được sử dụng để chuyển giao theo quy định của VPS từng thời kỳ.

If the Customer holds a short position until the end of trading session of the final Trading day (E), the Customer is responsible for providing a list of transferable bonds in accordance with the regulations of VPS from time to time.

- (d) Nếu Khách hàng không chứng minh khả năng thanh toán theo quy định trên hoặc không cung cấp/cung cấp không đúng, không đầy đủ danh sách trái phiếu chuyển giao theo quy định trên dẫn đến Khách hàng/VPS phải tìm đối tác thế vị hoặc tìm nguồn trái phiếu chuyển giao thay thế và/hoặc dẫn đến việc thanh toán HĐTL TPCP theo hình thức bằng tiền thì vào ngày thanh toán cuối cùng, ngoài nghĩa vụ thanh toán toàn bộ các chi phí, phí tổn, tiền phạt liên quan đến việc vi phạm nghĩa vụ nêu trên (nếu có), Khách hàng có trách nhiệm bồi thường cho các bên liên quan với số tiền được tính theo công thức sau:

Giá trị bồi thường = 5% x FSP x Hệ số nhân hợp đồng x Số hợp đồng (Trong đó: FSP là giá thanh toán cuối cùng).

VPS có trách nhiệm công khai các mốc thời gian thực hiện nghĩa vụ quy định tại các đoạn (b) và (c) trên để Khách hàng thực hiện.

If the Customer fails to prove their payment ability or adequately provide a list of transferable bond, leading to partner or transferable bond replacement by VPS/the Customer and/or GBFC payment in cash, the Customer is responsible for paying all costs, fees and penalties related to above violation (if any) and compensating relevant parties an amount as calculated below in the final payment day:

Compensation amount = 5% x FSP x Contract multiplier factor x Contract number (In which: FSP means final sale price).

VPS is responsible for making obligation performance timeline as set out under above paragraph (b) and (c) public for the purposes of fulfill such obligations by the Customer.

6.2 Thanh Toán Giá Trị Bồi Thường Và Chi Phí Có Liên Quan

Compensation and Relevant Expense Payment

- (a) Không mâu thuẫn với các quy định khác trong Phần D này, Khách hàng đồng ý rằng nếu vi phạm nghĩa vụ nộp tiền chứng minh khả năng thanh toán hoặc vi phạm nghĩa vụ cung cấp danh sách trái phiếu theo quy định tại Khoản 6.1(b), (c) hay (d) trên đây dẫn đến VPS phải thực hiện nghĩa vụ bồi thường cho các bên liên quan thay Khách hàng theo quy định của VSD và/hoặc tìm đối tác thế vị, tìm nguồn trái phiếu chuyển giao thay thế và/hoặc VPS bị phạt theo quy định của VSD thì Khách hàng chấp nhận nợ và cam kết thanh toán đầy đủ cho VPS toàn bộ các chi phí liên quan và Giá trị bồi thường nêu trên cùng các khoản lãi, phạt phát sinh.

Without prejudice other articles of this Section D, the Customer agrees that in case of violating their payment obligation to prove their payment ability or their obligation on bond list providing as set out under above Article 6.1(b), (c) or (d), leading to compensation to relevant parties by VPS and/or partner or transferable bond replacement and/or penalty payment in accordance with the regulations of VPS, the Customer shall pay debts, other relevant expenses, and above Compensation amount and interest and penalties arisen therein to VPS.

- (b) Thời hạn thanh toán: tại ngày thanh toán cuối cùng (E+3).

Payment date: final Trading day (E+3).

- (c) Khách hàng có nghĩa vụ thanh toán Số tiền bồi hoàn cho VPS tại ngày thanh toán cuối cùng (E+3) (nếu có) theo công thức sau:

The Customer is responsible for paying a reimbursement amount as calculated below at the final payment day (E+3):

Số tiền bồi hoàn = Giá trị bồi thường + Các chi phí liên quan

Reimbursement amount = Compensation amount + Relevant expenses

Trong đó:

In which:

- Giá trị bồi thường được xác định theo công thức quy định tại Khoản 6.1(d) trên đây;
Compensation amount is calculated as set out under Article 6.1(d) above;
- Các chi phí liên quan xác định theo thực tế phát sinh do hành vi vi phạm của Khách hàng quy định tại Khoản 6.1(d) trên đây.

Relevant expenses are those actually arisen from the violation of the Customer as set out under Article 6.1(d) above.

ĐIỀU D7. XỬ LÝ VI PHẠM VỊ THẾ

ARTICLE D7. POSITION LIQUIDATION

- 7.1 Khách hàng phải bảo đảm vị thế trên TKGDPDS trong giới hạn vị thế theo quy chế của VSD. Trường hợp vượt giới hạn vị thế, Khách hàng có trách nhiệm thực hiện các giao dịch đối ứng ngay trong ngày để giảm vị thế, bổ sung ký quỹ (nếu có) trong thời hạn quy định của VPS và/hoặc VSD.

The Customer must guarantee positions on DTA to be within position limitation in accordance with the regulations of VSD. In the event of those positions over the limitation, the Customer is responsible for conducting intra-day cross margin to deduct positions and add marginable assets (if any) when due in accordance with the regulations of VPS and/or VSD.

- 7.2 Sau thời hạn nêu trên, nếu Khách hàng không hoàn tất việc giảm vị thế theo quy định thì VPS được toàn quyền chủ động phối hợp với VSD để thực hiện giao dịch đối ứng để đóng một phần hoặc toàn bộ vị thế của Khách hàng. VPS có quyền nhưng không có nghĩa vụ phải hoàn tất đóng vị thế của Khách hàng, do đó mọi khoản lỗ và chi phí phát sinh sẽ do Khách hàng chịu và phải thanh toán cho VPS và/hoặc VSD theo quy định liên quan.

After the above period, if the Customer fails to deduct positions as requested, VPS shall, in its own discretion, co-operate with VSD to conduct cross-margin to open a part of or total positions of the Customer. VPS is entitled to (but not responsible for) finish closing positions of the Customer; therefore, the Customer shall bear and pay all accrued losses and expenses to VPS and/or VSD in accordance with the relevant regulations.

ĐIỀU D8. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA KHÁCH HÀNG

ARTICLE D8. RIGHTS AND OBLIGATIONS OF THE CUSTOMER

8.1 Quyền Của Khách hàng

Rights of the Customer

- (a) Sở hữu và hưởng các quyền và lợi ích phát sinh từ tiền gửi, quyền và lợi ích phát sinh từ chứng khoán ký quỹ trên TKGDPS.

To own and receive all rights and interests arisen from deposits and marginable securities on DTA.

- (b) Khách hàng được quyền rút, thay thế tài sản ký quỹ (khi đảm bảo tỷ lệ ký quỹ) theo đúng quy định của VPS và pháp luật; được quyền rút một phần tiền trên TKGDPS với điều kiện sau khi rút TKGDPS của Khách hàng vẫn đảm bảo tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ và các quy định khác của VPS trong từng thời kỳ.

To withdraw, change marginable assets (provided that such withdrawal or change meets requirement on margin ratio) in accordance with the regulations of VPS and laws; to partly withdraw available cash on DTA provided that the DTA still meets requirements on marginale asset ratio and in accordance with the regulations of VPS from time to time after such withdrawal.

- (c) Chấm dứt dịch vụ giao dịch chứng khoán phái sinh với điều kiện đã thanh toán mọi khoản nợ, phí, chi phí liên quan, các nghĩa vụ khác cho VPS và bên thứ ba (nếu có).

To terminate derivatives trading services provided that paying in full all outstanding debts, fees, relevant expenses, and other obligations to VPS and third parties (if any).

- (d) Được VPS cung cấp tính năng, tiện ích tự động nộp/ chuyển/ ghi tăng tài sản ký quỹ trên Tài khoản ký quỹ khi TKGDPS có số dư tiền/ tài sản khả dụng, phù hợp với quy định và khả năng của VPS trong từng thời kỳ (“Ký Quỹ Tự Động”). Khách hàng đồng ý rằng VPS được toàn quyền quyết định tiêu chí, điều kiện Ký Quỹ Tự Động, bao gồm nhưng không giới hạn nhằm xác định tài sản ký quỹ, thời điểm thực hiện ký quỹ, thứ tự xử lý tài sản trong Tài khoản phái sinh để thanh toán cho các nghĩa vụ của Khách hàng với VPS và các bên liên quan và các điều kiện khác theo thông báo và khả năng hỗ trợ Khách hàng của VPS trong từng thời kỳ.

To be provided features, utilities which VPS automatically deposit/transfer/record the increase(s) of the margin assets at Margin Account when the DTA has a balance amounts/available assets in compliance with VPS’s regulations and capacity in each period (“Automatic Margin Deposit”). Customer agrees that VPS is fully entitled to decide the criteria, the conditions of Automatic Margin Deposit, included but not limited to identifying the margin assets, the time to deposit margin assets, the order of assets liquidation at the Derivative Account for the payments of Customer’s obligations to VPS and other parties, and other conditions under VPS’s notifications and Customer support capabilities from time to time.

- (e) Hủy Ký Quỹ Tự Động theo quy định, hướng dẫn của VPS trong từng thời kỳ.

To terminate Automatic Margin Deposit in accordance with the regulations, instructions of VPS from time to time.

8.2 Nghĩa Vụ Của Khách hàng

Obligations of the Customer

- (a) Nhận nợ vô điều kiện đối với các khoản hỗ trợ được VPS tự động thanh toán theo yêu cầu của VSD (không cần có chữ ký của Khách hàng) để thanh toán lỗi vị thế và có nghĩa vụ hoàn trả toàn bộ các khoản tiền đó cùng các chi phí liên quan cho VPS theo quy định của Hợp đồng này.

To unconditionally owe debts automatically paid by VPS in advance as requested by VPS (without signatures of the Customer) to pay losses positions and be responsible for paying such amount and relevant expenses to VPS in accordance with this Agreement.

- (b) Trong thời gian ký quỹ, tài sản ký quỹ không được sử dụng để chuyển nhượng, tặng, cho cầm cố, thế chấp cho bất kỳ bên thứ ba nào, hoặc không được sử dụng biện pháp khác để rút tiền/tài sản từ tài khoản chứng khoán ký quỹ.

During margin period, marginable assets must not be used to transfer, gift, give, pledge, mortgage to any other third party, or use other methods to withdraw cash/assets from their derivatives account.

- (c) Chủ động theo dõi biến động giá chứng khoán trên thị trường hàng ngày, chủ động bổ sung tài sản ký quỹ, chủ động đóng bớt một phần hoặc toàn bộ vị thế mà mình đang nắm giữ để đảm bảo tỷ lệ ký quỹ duy trì theo quy định của VPS và/hoặc VSD. Thực hiện công bố thông tin (đối với trường hợp phải công bố thông tin theo quy định của pháp luật) theo yêu cầu của VPS khi VPS phải xử lý tài sản ký quỹ là chứng khoán cơ sở.

To actively keep in track daily movements of securities price, add marginable assets, closes a part of or entire holding positions to guarantee maintenance margin ratio in accordance with the regulations of VPS and/or VSD. To public information (in case of mandatory public in accordance with the regulations of laws) as required by VPS in case of liquidating marginable assets as underlying securities.

- (d) Chủ động theo dõi, cập nhật các thông tin liên quan đến hoạt động giao dịch CKPS được VPS thông báo trên website của VPS.

To actively keep in track and update information related to derivatives trading activities as published by VPS on its website.

- (e) Đồng ý, chấp thuận và tuân thủ đúng các quy định của Phần D này; cam kết không có bất khiếu nại, khiếu kiện nào đối với các quy định của Phần D này.

To agree, accept and comply with articles set out under this Section D; to undertakings not to make any claims or initiate any lawsuit against articles of this Section D.

- (f) Tự chịu trách nhiệm về các khoản thuế và nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

To be solely responsible for taxes and other payment obligations in accordance with regulations of laws.

- (g) Chấp nhận các rủi ro khi đầu tư chứng khoán phái sinh.

To accept risks arisen from derivatives investment.

- (h) Bồi thường cho VPS các thiệt hại (nếu có) do khách hàng gây nên.

To compensate VPS all losses caused by the Customer.

- (i) Sử dụng mọi tài sản và nguồn thu khác của Khách hàng để thanh toán các nghĩa vụ cho VPS trong trường hợp tiền và chứng khoán ký quỹ không đủ để chi trả các nghĩa vụ liên quan đến vị thế của Khách hàng.

To use all assets and other incomes of the Customer to fulfill payment obligation to VPS in the event that cash and marginable securities are unable to pay relevant obligations of the Customer to VPS.

- (j) Khách hàng đồng ý và ủy quyền cho VPS được tự động chuyển, ký gửi tài sản được phép ký quỹ của Khách hàng để ký quỹ cho VSD khi TKGDP có số dư tiền/ tài sản khả dụng theo

phương thức, hình thức và các điều kiện khác mà VPS quyết định trong từng thời kỳ mà không cần phải xác nhận lại từ Khách hàng. VPS sẽ thông báo cho Khách hàng về phương thức, hình thức và các điều kiện Ký Quỹ Tự Động trước khi triển khai, áp dụng với Khách hàng.

Customers agrees and authorises VPS to automatically transfer, deposit allowable margin assets for margining at VSD when the Derivative Account has available account balance/ assets under the method, the form and other conditions decided by VPS from time to time without Customer's reconfirmation. VPS will notify Customer on the method, the form and other conditions of the Automatic Margin Deposit prior to application.

ĐIỀU D9. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA VPS

ARTICLE D9. RIGHTS AND OBLIGATIONS OF VPS

9.1 Quyền Của VPS

Rights of VPS

- (a) Có quyền nhưng không có nghĩa vụ tự động chuyển khoản, nộp/trích/rút tiền, ghi nợ, ghi có đối với các tài khoản của Khách hàng tại VPS để: (i) Chuyển tiền thanh toán cho các giao dịch mua, bán, thanh toán phí của Khách hàng tại VPS để thực hiện các giao dịch CKPS theo Phần D này; (ii) có quyền (nhưng không có nghĩa vụ) tự động chuyển tiền từ các tiểu khoản của tài khoản chứng khoán sang tài khoản CKPS trong trường hợp Khách hàng không bảo đảm các giá trị yêu cầu/ngĩa vụ thanh toán trên tài khoản CKPS; (iii) Tự động đóng một phần hoặc toàn bộ vị thế của tài khoản CKPS khi Khách hàng không thực hiện các giao dịch theo Phần D này. (iv) Ký Quỹ Tự Động theo quy định của VPS trong từng thời kỳ

To be entitled, but not obligated to automatically transfer, deposit/extract/withdrawal, debit, credit to the Customer's account at VPS to: (i) transfer the payment for long, short order and Customer's transaction fee at VPS to conduct the derivatives transactions according to this Section D; (ii) to be entitled to automatically transfer assets from the sub-accounts of the SA to the DTA if the Customer fails to maintain the required value/payment obligations on the DTA; (iii) To automatically close, in whole or in part, derivative position of the DTA if the Customer fails to conduct trades in accordance with this Section D; (iv) Automatic Margin Deposit under VPS' regulation from time to time.

- (b) Thực hiện các giao dịch khác theo ủy quyền của Khách hàng.

To exercise other trades as authorized by the Customer.

- (c) Cung cấp các thông tin liên quan đến tài khoản của Khách hàng cho cơ quan có thẩm quyền nếu có yêu cầu.

To provide the information related to the Customer's account to the competent authorities as requested.

- (d) Có quyền yêu cầu Khách hàng sử dụng mọi tài sản và nguồn thu khác của Khách hàng để thanh toán các nghĩa vụ cho VPS trong trường hợp tiền và chứng khoán ký quỹ không đủ để chi trả các nghĩa vụ liên quan đến vị thế của Khách hàng.

To be entitled to request the Customer to use all of their assets and other incomes to pay for the obligations to VPS in the event that the balance and the marginable securities is unable to pay for the obligations relating to margin position of the Customer.

- (e) Không cần sự chấp thuận của Khách hàng, được toàn quyền chuyển giao hoặc chuyển nhượng cho bên thứ 3 (gọi tắt là bên nhận chuyển nhượng) thực hiện toàn bộ hoặc một phần các quyền lợi và nghĩa vụ của VPS theo quy định tại Phần D này và các thỏa thuận, các phụ lục bổ sung, sửa đổi kèm theo. Trong trường hợp này VPS có nghĩa vụ phải thông báo cho Khách hàng trước khi thực hiện.

Without the Customer's permission and at VPS's discretion, to assign or transfer to a third party (hereinafter as the transferee) to exercise a part of or all VPS's rights and obligations under this Section D and agreements, and attaching supplemented and amendment annexes. VPS shall notify the Customer before conducting those actions.

- (f) Được quyền thu tiền lãi và/hoặc các khoản phí khác đối với các khoản thanh toán lỗ vị thế theo VPS quy định trong từng thời kỳ phù hợp với pháp luật và thỏa thuận tại Phần D này.

To charge interests and/or other fees relating to the loss margin position payment in accordance with VPS's regulations from time to time which shall be in accordance with laws and the agreements in this Section D.

- (g) VPS có quyền gửi thông báo liên quan đến tài khoản CKPS cho chính chủ tài khoản và/hoặc người nhận ủy quyền giao dịch đã đăng ký thông tin tại Hợp đồng mở TKCK và đăng ký dịch vụ chứng khoán.

To send notices relating to the DTA to the account owner and/or the registered authorized person to conduct trades whose information is recorded in the SA Agreement and registration of securities services.

- (h) VPS có toàn quyền cập nhật, thay đổi, chỉnh sửa các quy định về các thông số, tỷ lệ an toàn tài khoản trong giao dịch CKPS vào bất kỳ thời điểm nào mà không cần đạt được sự chấp thuận của Khách hàng, với điều kiện là VPS thực hiện thông báo tới Khách hàng trước khi thực hiện theo bất kỳ cách thức thông báo do VPS lựa chọn theo từng thời kỳ.

To update, change, amend the regulations regarding the indexes, account safety rate in DS trading at any time without the Customer's consent, given that VPS informed the Customer before implementing such action via any notification method selected by VPS from time to time.

9.2 Nghĩa Vụ Của VPS

Obligations of VPS

- (a) Mở TKGDPS theo quy định.

To open the DTA in accordance with the applicable regulations.

- (b) Thực hiện lệnh giao dịch theo yêu cầu của Khách hàng thỏa mãn các điều kiện theo quy định của VPS và thông báo cho Khách hàng kết quả giao dịch theo quy định của Cơ quan có thẩm quyền; cung cấp báo cáo, sao kê về giao dịch CKPS, khớp lệnh CKPS theo yêu cầu của Khách hàng hoặc định kỳ.

To perform the transactions in accordance with the Customer's request satisfying the conditions of VPS's regulation and to notify the Customer on the trading result in accordance with the Competent authority; to provide periodical reports and statements on derivatives transaction, derivatives matching order or when requested by Customer.

- (c) Công bố các thay đổi về các tỷ lệ, danh mục chứng khoán được phép ký quỹ phái sinh và các thông tin khác theo nội dung tại Hợp đồng này, phụ lục và tài liệu đi kèm (nếu có) theo phương thức do VPS lựa chọn; thông báo tới Khách hàng về các vấn đề ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của Khách hàng theo phương thức và trong thời hạn và VPS thấy là hợp lý và phù hợp với các quy định của pháp luật.

To announce the adjustment of rates, securities portfolio which are eligible for margin and others information according to the contents of this Agreement, its annexes and attached documents (if any) via the method selected by VPS; to notify the Customer on the issue that affect rights and interests of the Customer via the method and within a time period which VPS deems appropriate and in accordance with the regulations of laws.

- (d) Thông báo, cập nhật tới Khách hàng các điều kiện Ký Quỹ Tự Động trước khi áp dụng.

To notify, update Customer on the conditions Automatic Margin Deposit prior to application

ĐIỀU D10. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

ARTICLE D10. OTHER PROVISIONS

- 10.1 Khách hàng tại đây xác nhận ủy quyền hoạt động thanh toán bù trừ cho VPS, ủy thác việc quản lý tài khoản ký quỹ và các tài sản ký quỹ cho VPS. Khách hàng đồng ý và ủy quyền cho VPS chuyển tài sản được phép ký quỹ của Khách hàng để ký quỹ cho VSD nhằm đảm bảo mức ký quỹ yêu cầu, các tỷ lệ, các nghĩa vụ của Khách hàng với VPS theo quy định của VPS từng thời kỳ mà không cần phải xác nhận lại từ Khách hàng.

The Customer hereby confirms to authorize in terms of net-off payment activities, the management of the margin account and the margin assets to VPS. Customer consents and authorizes VPS to transfer the Customer's allowable margin assets to deposit to VSD for maintain the required margin, the other rates and obligations of the Customer to VPS under VPS' regulations from time to time without Customer's reconfirmation..

- 10.2 Khách hàng ủy quyền cho VSD để ký các văn bản và thực hiện các thủ tục cần thiết để đóng vị thế, thanh lý vị thế, chuyển giao tài sản ký quỹ, bàn giao quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ cho thành viên giao dịch, thành viên bù trừ thay thế trong trường hợp Thành viên giao dịch, thành viên bù trừ hiện hữu tạm ngừng hoạt động môi giới, bù trừ CKPS.

The Customer authorizes VSD to sign the documents and to perform necessary procedures to close and liquidate the margin position, assign margin securities, hand over rights, responsibilities, obligations to replaced trading members or net-off derivatives net-off activities.

- 10.3 Khách hàng hiểu rằng các giao dịch chứng khoán phái sinh có thể chứa đựng rủi ro tổn thất rất lớn. Do đó, Khách hàng đã cẩn trọng xem xét các giao dịch chứng khoán phái sinh và hoàn toàn chấp nhận vô điều kiện các khoản lỗ tổng thể từ ký quỹ ban đầu và các khoản ký quỹ bổ sung mà Khách hàng nộp vào để thiết lập hoặc duy trì các vị thế của mình trên thị trường chứng khoán phái sinh.

The Customer understands that the derivatives transaction may contain the risks of significant losses. Therefore, the Customer has carefully considered the derivatives transactions and fully and unconditionally accept the losses in-sum from the initial margin and supplemented margin that the Customer deposited to establish or maintain its margin positions on the derivatives market.

- 10.4 Khách hàng cam kết ngay lập tức và chủ động trong việc nộp ký quỹ bổ sung trong trường hợp nhận được lệnh gọi ký quỹ bổ sung từ VPS và/hoặc chủ động theo dõi trạng thái tài khoản CKPS để đóng một phần hoặc toàn phần các vị thế mà Khách hàng đang nắm giữ trong trường hợp tài khoản vi phạm các ngưỡng cảnh báo. Khách hàng xác nhận, trong trường hợp thị trường có nhiều biến động, hoặc tình trạng các vị thế mở của Khách hàng có nhiều thay đổi bất lợi hoặc tình hình tài chính của Khách hàng có thay đổi, VPS có toàn quyền điều chỉnh tỷ lệ ký quỹ, yêu cầu Khách hàng bổ sung ký quỹ ngay trong ngày giao dịch.

The Customer undertakes to actively and immediately deposit supplemental margin upon receiving margin calls from VPS and/or actively monitor the DTA status to close a part or all of the margin position which the Customer is holding in case the accounts violated the limitation. The Customer confirms, in case the market is significantly fluctuating, or the status of the opened margin position

of the Customer suffers many adverse changes or the financial status of the Customer changes, VPS may, at its own discretion, adjust the required margin ratio, and request the Customer to supplement margin immediately within the Trading day.

- 10.5 Khách hàng đồng ý rằng VPS có toàn quyền chủ động áp dụng các biện pháp xử lý tài khoản CKPS bị rơi vào ngưỡng cảnh báo hoặc VPS đánh giá tài khoản của Khách hàng có nhiều rủi ro vi phạm ngưỡng xử lý (vi phạm giới hạn vị thế, vi phạm tỷ lệ sử dụng tài sản ký quỹ) và/hoặc mất khả năng thanh toán và Khách hàng sẽ không thực hiện bất kỳ khiếu nại, khiếu kiện nào đối với việc VPS khi VPS thực hiện quyền này.

The Customer agrees that VPS may, at its own discretion, actively apply the liquidation method to the DTA which falls into limitation or VPS assesses the Customer's account contains many risks of violating the forced liquidation (violating margin position limitation, violating margin ratio in securities) and/or is unable to pay and the Customer shall not implement any complaint or claim to VPS when VPS exercises this right.

- 10.6 Nếu Khách hàng mất khả năng thanh toán và VPS đã hỗ trợ thanh toán cho Khách hàng theo quy định của VSD thì VPS có toàn quyền sử dụng tài sản ký quỹ (kể cả bán, chuyển giao tài sản ký quỹ, sử dụng làm tài sản bảo đảm hoặc để thanh toán cho mục đích khác hoặc cho bên thứ ba) mà không cần chấp thuận của Khách hàng nhằm xử lý và/hoặc thu hồi khoản hỗ trợ mất khả năng thanh toán cho Khách hàng. VPS có quyền phối hợp hoặc ủy quyền lại cho bên thứ ba thay mặt VPS xử lý tài sản ký quỹ. Khách hàng cam kết vô điều kiện dùng mọi nguồn thu và tài sản của Khách hàng để bù đắp cho các khoản tạm ứng, tiền lãi, phí, chi phí và các khoản thanh toán đến hạn khác (nếu có) cho VPS hoặc bên nhận chuyển nhượng.

If the Customer is unable to pay and VPS supported the payment for the Customer in accordance with VSD's regulations, VPS is entitled to, in its own discretion, utilize the margin securities (including selling, assigning the margin securities, using the security assets or to pay for other purposes or to third parties) without prior approval of Customer to liquidate and/or recover the supported amount which the Customer is unable to pay. VPS is entitled to cooperate or re-authorize to third parties to, on behalf of VPS, liquidate the marginable securities. The Customer unconditionally undertakes to use all of his/her/its incomes and assets to cover for the advance amounts, interests, fees, expenses and other due payment (if any) to VPS or the transferee.

- 10.7 Khách hàng đồng ý rằng VPS có toàn quyền lựa chọn chứng khoán ký quỹ, quyết định các tỷ lệ ký quỹ, xác định giá trị tài sản ký quỹ và điều chỉnh các nội dung này phù hợp với tình hình thị trường và chính sách của VPS vào từng thời kỳ mà không cần được sự chấp thuận của Khách hàng.

The Customer agrees that VPS shall be fully entitled to select the marginable securities, to decide the required margin ratio, to determine the value of the margin securities and to adjust such contents to be appropriate to the market status and VPS's policy from time to time without prior consent of the Customer.

- 10.8 Khách hàng/Người được ủy quyền giao dịch hợp pháp của Khách hàng cam kết có trách nhiệm kiểm tra tình trạng giao dịch, số dư tài khoản theo quy định của Phần D này. Khách hàng cam kết rằng nếu xảy ra tranh chấp giữa Khách hàng và Người được ủy quyền của mình thì VPS không phải tham gia giải quyết tranh chấp dù trong bất kỳ trường hợp nào. Nếu VPS phải tham gia theo yêu cầu của cơ quan giải quyết tranh chấp thì Khách hàng và Người được ủy quyền liên đới chịu các phí tổn để VPS tham gia.

The Customer/the Customer's legitimate authorized person to conduct trade undertakes to be responsible to check the trading status, account balance in accordance with the regulation of this Section D. The Customer undertakes that if there is any dispute between the Customer and their Authorized person, VPS is not obliged to participate in the dispute resolution at any case. If VPS must

participate upon requests by the dispute resolution authority, the Customer and the Authorized person shall jointly bear VPS's participation expenses.

----- **END** -----